BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 16/2010/TT-BTNMT	*Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2010*

THÔNG TƯ
Quy định trình tự, thủ tục cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002; Pháp lệnh Sửa đổi bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 08 tháng 3 năm 2007; Pháp lệnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 128/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và Pháp lệnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 37/2005/NĐ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 25/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Nghị định số 19/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các điểm c, d, g, h và i khoản 5 Điều 2 Nghị định số 25/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định trình tự, thủ tục cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai như sau:

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Thông tư này quy định trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế để thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, quyết định áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai gây ra trong trường hợp không áp dụng xử phạt (gọi chung là cưỡng chế hành chính trong lĩnh vực đất đai).

2. Đối tượng áp dụng:

a) Đối tượng bị cưỡng chế hành chính trong lĩnh vực đất đai bao gồm: cá nhân trong nước, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cơ quan, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài; hộ gia đình; cơ sở tôn giáo bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai (sau đây gọi chung là đối tượng bị xử phạt) đã quá thời hạn tự nguyện chấp hành hoặc quá thời hạn hoãn chấp hành các quyết định nêu tại khoản 1 Điều này mà không tự nguyện chấp hành;

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc cưỡng chế hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng biện pháp cưỡng chế hành chính trong lĩnh vực đất đai

1. Việc cưỡng chế hành chính trong lĩnh vực đất đai chỉ được thực hiện khi có quyết định cưỡng chế của người có thẩm quyền quy định tại Điều 4 của Thông tư này.

2. Chỉ được áp dụng biện pháp cưỡng chế hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với trường hợp quy định tại Điều 5 của Thông tư này.

3. Người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế căn cứ vào nội dung, tính chất, mức độ, điều kiện thi hành quyết định cưỡng chế của đối tượng bị cưỡng chế và tình hình thực tế ở địa phương để quyết định áp dụng một trong các biện pháp cưỡng chế quy định tại Điều 3 của Thông tư này.

Điều 3. Các biện pháp cưỡng chế hành chính trong lĩnh vực đất đai

1. Khấu trừ một phần tiền lương hoặc một phần thu nhập; khấu trừ tiền từ tài khoản tại các ngân hàng, các tổ chức tín dụng.

2. Kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt để bán đấu giá.

3. Các biện pháp cưỡng chế khác để:

a) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

b) Tước giấy phép, chứng chỉ hành nghề định giá đất; cấm hành nghề tư vấn về lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

c) Buộc khôi phục lại tình trạng của đất như trước khi vi phạm; buộc khắc phục tình trạng làm suy giảm chất lượng đất, khắc phục việc thải chất độc hại vào đất;

d) Khắc phục hậu quả đối với trường hợp nhận chuyển quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện nhận chuyển quyền sử dụng đất;

đ) Tịch thu lợi ích có được do vi phạm;

e) Buộc phải cung cấp thông tin, giấy tờ, tài liệu và chấp hành yêu cầu thanh tra, kiểm tra.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định cưỡng chế hành chính trong lĩnh vực đất đai

1. Người có thẩm quyền ra quyết định áp dụng một trong các biện pháp cưỡng chế hành chính trong lĩnh vực đất đai quy định tại Điều 3 của Thông tư này có nhiệm vụ tổ chức việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt của mình và của cấp dưới, bao gồm:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã); Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện); Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh);

b) Chánh Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường, Chánh Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Người có thẩm quyền ra quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế hành chính để tước giấy phép, chứng chỉ hành nghề về định giá đất, cấm hành nghề tư vấn về lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, bao gồm:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh;

b) Chánh Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường, Chánh Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Đối với trường hợp tháo dỡ nhà ở, công trình xây dựng trái phép trên đất thì người có thẩm quyền ra quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế hành chính để buộc khôi phục lại tình trạng của đất như trước khi vi phạm, bao gồm:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 5. Quyết định cưỡng chế hành chính trong lĩnh vực đất đai

1. Đối tượng bị xử phạt bị áp dụng biện pháp cưỡng chế để thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai trong các trường hợp sau:

a) Quá thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc quyết định áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra trong trường hợp không áp dụng xử phạt mà đối tượng bị xử phạt không chấp hành;

Trường hợp người có thẩm quyền xử phạt quyết định cho phép nộp tiền phạt nhiều lần nhưng quá thời hạn nộp tiền của lần cuối cùng mà đối tượng bị xử phạt không chấp hành.

b) Quá thời hạn hoãn chấp hành quyết định phạt tiền theo quy định tại Điều 65 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

2. Nội dung của Quyết định cưỡng chế thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Nghị định số 37/2005/NĐ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính (sau đây gọi là Nghị định số 37/2005/NĐ-CP).

Quyết định cưỡng chế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp dưới phải gửi cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp. Trường hợp cưỡng chế bằng biện pháp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 3 của Thông tư này thì quyết định cưỡng chế phải gửi cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ chức cưỡng chế để phối hợp thực hiện.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP CƯỠNG CHẾ HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI

Điều 6. Biện pháp cưỡng chế khấu trừ một phần tiền lương hoặc một phần thu nhập; khấu trừ tiền từ tài khoản tại ngân hàng; kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt để bán đấu giá

Các biện pháp cưỡng chế để thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính: khấu trừ một phần tiền lương hoặc một phần thu nhập; khấu trừ tiền từ tài khoản tại ngân hàng; kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt để bán đấu giá quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3 của Thông tư này được áp dụng theo quy định tại Mục A, Mục B, Mục C Chương II của Nghị định số 37/2005/NĐ-CP.

Điều 7. Biện pháp cưỡng chế để tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính

Biện pháp cưỡng chế để tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính được áp dụng theo quy định tại Mục D Chương II của Nghị định số 37/2005/NĐ-CP.

Điều 8. Biện pháp cưỡng chế để tước giấy phép, chứng chỉ hành nghề định giá đất; cấm hành nghề tư vấn về lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

1. Quá thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 5 của Thông tư này mà đối tượng bị xử phạt không giao nộp giấy phép, chứng chỉ hành nghề định giá đất thì người ra quyết định cưỡng chế gửi thông báo tới cơ quan đã cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề định giá đất để yêu cầu ra quyết định thu hồi giấy phép, chứng chỉ hành nghề đã cấp; đồng thời cơ quan cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề có trách nhiệm thông báo trên website của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc website của Tổng cục Quản lý đất đai.

2. Quá thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 5 của Thông tư này mà đối tượng bị xử phạt bị áp dụng biện pháp cấm hành nghề tư vấn về lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất không chấp hành thì người ra quyết định cưỡng chế gửi thông báo về việc cấm hành nghề tư vấn về lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tới cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đồng thời thông báo trên website của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc website của Tổng cục Quản lý đất đai.

Điều 9. Biện pháp cưỡng chế để buộc khôi phục lại tình trạng của đất như trước khi vi phạm, khắc phục tình trạng làm suy giảm chất lượng đất, khắc phục việc thải chất độc hại vào đất

Quá thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 5 của Thông tư này mà đối tượng bị xử phạt không chấp hành; quá thời hạn ghi trong quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả mà đối tượng bị xử phạt không chấp hành hoặc chưa chấp hành xong các biện pháp khôi phục lại tình trạng của đất như trước khi vi phạm, khắc phục tình trạng làm suy giảm chất lượng đất, khắc phục việc thải chất độc hại vào đất thì xử lý như sau:

1. Đối với trường hợp quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 8; các khoản 1, 2 và 3 Điều 9; khoản 1 và khoản 2 Điều 10; khoản 1 và khoản 2 Điều 11 của Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai (sau đây gọi là Nghị định số 105/2009/NĐ-CP), trong trường hợp không phải tháo dỡ nhà ở hoặc công trình xây dựng trái pháp luật trên đất thì người ra quyết định cưỡng chế căn cứ vào điều kiện thực tế, khả năng phục hồi của đất, điều kiện về tài sản của đối tượng bị cưỡng chế để thuê tổ chức, cá nhân khác có đủ năng lực về chuyên môn, kỹ thuật thực hiện việc khôi phục lại tình trạng của đất như trước khi vi phạm, khắc phục tình trạng làm suy giảm chất lượng đất, khắc phục việc thải chất độc hại vào đất. Chi phí trả cho việc thuê tổ chức, cá nhân khác được tạm ứng từ ngân sách nhà nước.

Trong thời hạn ba (3) ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc cưỡng chế, người ra quyết định cưỡng chế có trách nhiệm thông báo cho đối tượng bị cưỡng chế

về số tiền phải hoàn trả lại ngân sách nhà nước. Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của người ra quyết định cưỡng chế, đối tượng bị cưỡng chế có trách nhiệm hoàn trả chi phí cưỡng chế nêu trong thông báo. Trường hợp đối tượng bị cưỡng chế không hoàn trả chi phí nói trên thì bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3 của Thông tư này để thu hồi tiền tạm ứng từ ngân sách nhà nước.

2. Đối với các trường hợp quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 8; các khoản 1, 2 và 3 Điều 9; điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 11 của Nghị định số 105/2009/NĐ-CP, trong trường hợp phải tháo dỡ nhà ở hoặc công trình xây dựng trái pháp luật trên đất thì người ra quyết định cưỡng chế có trách nhiệm tổ chức lực lượng, phương tiện và yêu cầu các cơ quan có liên quan phối hợp để cưỡng chế tháo dỡ nhà ở, công trình xây dựng trên đất. Chi phí cưỡng chế hành chính được tạm ứng từ ngân sách nhà nước.

Trong thời hạn ba (3) ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc cưỡng chế, người ra quyết định cưỡng chế có trách nhiệm thông báo cho đối tượng bị cưỡng chế về số tiền phải hoàn trả lại ngân sách nhà nước. Đối tượng bị cưỡng chế có trách nhiệm hoàn trả chi phí cho việc cưỡng chế trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của người ra quyết định cưỡng chế. Trường hợp đối tượng bị cưỡng chế không hoàn trả chi phí nói trên thì bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3 của Thông tư này để thu hồi tiền tạm ứng từ ngân sách nhà nước.

3. Đối với trường hợp cưỡng chế để buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất như trước khi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 13 của Nghị định số 105/2009/NĐ-CP thì được thực hiện theo quy định tại Điều 10 của Thông tư này.

Điều 10. Biện pháp cưỡng chế để khắc phục hậu quả đối với trường hợp nhận chuyển quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện nhận chuyển quyền sử dụng đất

Người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế thông báo tới cơ quan tài nguyên và môi trường cấp tỉnh, cấp huyện về việc chuyển nhượng, tặng cho, góp vốn, nhận thừa kế nhưng không đủ điều kiện theo quy định của pháp luật để cơ quan tài nguyên và môi trường cấp đó không làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp cho đối tượng bị cưỡng chế.

Điều 11. Biện pháp cưỡng chế để tịch thu lợi ích có được do vi phạm

Cưỡng chế để tịch thu lợi ích có được do vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 13 của Nghị định số 105/2009/NĐ-CP thì người có thẩm quyền ra quyết định áp dụng

một trong các biện pháp cưỡng chế nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3 của Thông tư này để thu hồi lợi ích có được do vi phạm nộp ngân sách nhà nước.

Điều 12. Biện pháp cưỡng chế để buộc phải cung cấp thông tin, giấy tờ, tài liệu và chấp hành yêu cầu thanh tra, kiểm tra

Trong trường hợp thực hiện biện pháp cưỡng chế để buộc phải cung cấp thông tin, giấy tờ, tài liệu và chấp hành yêu cầu thanh tra, kiểm tra thì tùy từng trường hợp cụ thể, người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế và yêu cầu cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 18 Điều 1 của Pháp lệnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008 ra quyết định và phối hợp khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính của đối tượng bị cưỡng chế theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 20 Điều 1 của Pháp lệnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008 để thu thập thông tin, giấy tờ, tài liệu phục vụ yêu cầu thanh tra, kiểm tra.

Điều 13. Mẫu biểu sử dụng trong xử phạt vi phạm hành chính, cưỡng chế hành chính trong lĩnh vực đất đai

Mẫu biểu sử dụng trong xử phạt vi phạm hành chính, cưỡng chế hành chính trong lĩnh vực đất đai được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 10 năm 2010.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo việc triển khai thực hiện Thông tư này; trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài nguyên và Môi trường để xem xét, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Mạnh Hiển

Phụ lục

DANH MỤC MẪU BIỂU SỬ DỤNG TRONG XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH, CƯỠNG CHẾ HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI

(Kèm theo Thông tư số 16/2010/TT-BTNMT ngày 26 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định trình tự, thủ tục cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai)

STT	Tên mẫu biểu	Ký hiệu
1	Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai	MBB01
2	Biên bản khám nơi cất giấu tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai	MBB02
3	Biên bản tạm giữ tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính	MBB03
4	Biên bản trả lại tài liệu, tang vật, phương tiện bị tạm giữ	MBB04
5	Biên bản bàn giao hồ sơ, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai	MBB05
6	Biên bản tiêu hủy tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai	MBB06
7	Biên bản tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai	MBB07
8	Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai	MQĐ01
9	Quyết định áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính	MQĐ02
10	Quyết định hoãn chấp hành quyết định phạt tiền đối với cá nhân	MQĐ03
11	Quyết định khám nơi cất giấu tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai	MQĐ04
12	Quyết định tạm giữ tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai	MQĐ05
13	Quyết định trả lại tài liệu, tang vật, phương tiện bị tạm giữ	MQĐ06
14	Quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai	MQĐ07

STT	Tên mẫu biểu	Ký hiệu
15	Quyết định hủy quyết định xử phạt vi phạm hành chính	MQĐ08
16	Quyết định về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản tại ngân hàng, các tổ chức tín dụng	MQĐ09
17	Quyết định về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế khấu trừ một phần tiền lương hoặc một phần thu nhập	MQĐ10
18	Quyết định cưỡng chế kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt để bán đấu giá	MQĐ11
19	Quyết định về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế bằng các biện pháp khác để thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai hoặc Quyết định áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính	MQĐ12
20	Biên bản cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai	MBB08
21	Biên bản kê biên tài sản	MBB09
22	Biên bản giao bảo quản tài sản kê biên	MBB10
23	Biên bản chuyển giao tài sản kê biên để bán đấu giá	MBB11

MBB01

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN[1] **TÊN CƠ QUAN LẬP BIÊN BẢN** Số:...../BB-VPHC	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *A[2]....., ngày..... tháng..... năm.....*

BIÊN BẢN
VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm .....
Tại[3]:.....
Chúng tôi gồm[4]:
1. Họ và tên:.....
Chức vụ:..... Đơn vị công tác:.....
2. Họ và tên:.....
Chức vụ:..... Đơn vị công tác:.....
3. Họ và tên:.....
Chức vụ:..... Đơn vị công tác:.....
Với sự chứng kiến của[5]:
1. Ông (bà): .....
Năm sinh:..... Quốc tịch:.....
Nghề nghiệp/Chức vụ:..... Đơn vị công tác: .....
Địa chỉ:.....
CMND/Hộ chiếu số:..... ngày cấp:..... nơi cấp: .....
2. Ông (bà) .....
Năm sinh:..... Quốc tịch:.....
Nghề nghiệp/Chức vụ:..... Đơn vị công tác: .....
Địa chỉ:.....

---

[1] *Nếu biên bản do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp lập thì chỉ cần ghi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương...; huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh...; xã, phường, thị trấn... mà không cần ghi cơ quan chủ quản.*

[2] *Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.*

[3] *Địa chỉ nơi lập biên bản.*

[4] *Ghi đầy đủ thông tin về họ tên, chức vụ, đơn vị công tác của người lập biên bản.*

[5] *Ghi đầy đủ thông tin về họ tên, nghề nghiệp, đơn vị công tác, địa chỉ, số giấy chứng minh nhân dân của người làm chứng. Nếu đại diện chính quyền thì ghi rõ họ tên, chức vụ, đơn vị công tác.*

CMND/Hộ chiếu số:..... ngày cấp:..... nơi cấp: .....

Tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính về pháp luật đất đai đối với:

Ông (Bà)/tổ chức: .....

Năm sinh:..... Quốc tịch:.....

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động):.....

CMND/Hộ chiếu/ĐKKD/Quyết định thành lập số: .....
do:..... cấp ngày:.....

Đại diện theo pháp luật[6]:..... chức vụ: .....

Đã có các hành vi vi phạm hành chính về pháp luật đất đai[7]:

.....

quy định tại điểm..... khoản..... Điều..... của Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11/11/2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Tình tiết giảm nhẹ[8]:

- .....

Tình tiết tăng nặng[9]:

- .....

Người bị thiệt hại/Tổ chức bị thiệt hại:

Ông (Bà)/tổ chức bị thiệt hại: .....

Năm sinh:..... Quốc tịch:.....

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động):.....

CMND/Hộ chiếu/ĐKKD/Quyết định thành lập số: .....
do:..... cấp ngày:.....

Đại diện theo pháp luật[10]: ..... chức vụ:.....

---

[6] *Ghi họ tên, chức vụ của người đại diện theo pháp luật đối với tổ chức vi phạm.*

[7] *Ghi hành vi vi phạm, nếu có nhiều hành vi vi phạm thì ghi cụ thể từng hành vi vi phạm, ví dụ: Sử dụng đất không đúng mục đích quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 của Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.*

[8] *Tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 8 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002, đã sửa đổi, bổ sung năm 2007 và năm 2008.*

[9] *Ghi tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 9 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002, đã sửa đổi, bổ sung năm 2007 và năm 2008.*

[10] *Ghi họ tên, chức vụ của người đại diện theo pháp luật đối với tổ chức vi phạm.*

Ý kiến trình bày của người vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm:

.....

Ý kiến trình bày của người làm chứng:

.....

Ý kiến trình bày của người/đại diện tổ chức bị thiệt hại do vi phạm hành chính về pháp luật về đất đai gây ra (nếu có):

.....

Người có thẩm quyền đã yêu cầu Ông (bà)/Tổ chức vi phạm đình chỉ ngay hành vi vi phạm hành chính về pháp luật đất đai.

Yêu cầu Ông (bà)/đại diện tổ chức vi phạm có mặt tại[11] .....

..... lúc.... giờ.... ngày..... tháng.... năm.... để giải quyết vụ vi phạm.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có)[12]:

.....

Biên bản này gồm..... trang được lập thành.... bản có nội dung và giá trị như nhau, và được giao cho người vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm một bản, một bản gửi báo cáo người có thẩm quyền xử phạt và.....[13], Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản, cùng ký xác nhận vào từng trang./.

NGƯỜI VI PHẠM (HOẶC ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC VI PHẠM) *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN** *(Ký, ghi rõ họ tên)*
NGƯỜI CHỨNG KIẾN *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN (NẾU CÓ)** *(Ký, ghi rõ họ tên)*
NGƯỜI BỊ THIỆT HẠI (HOẶC ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC BỊ THIỆT HẠI) *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH[14]** *(Ký, ghi rõ họ tên)*

---

[11] *Ghi rõ địa chỉ trụ sở cá nhân, tổ chức vi phạm phải có mặt.*

[12] *Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.*

[13] *Ghi cụ thể những người, tổ chức được giao biên bản.*

[14] *Trong trường hợp người lập biên bản đồng thời là người có thẩm quyền xử phạt thì không cần ghi và ký vào mục này.*

MBB02

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN[15]
TÊN CƠ QUAN LẬP BIÊN BẢN

Số:...../BB-KNCGTLTVPT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

A[16]....., ngày..... tháng..... năm.....

BIÊN BẢN
KHÁM NƠI CẤT GIẤU TÀI LIỆU, TANG VẬT, PHƯƠNG TIỆN VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI

Căn cứ Điều 45, Điều 49 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2007 và năm 2008;

Căn cứ Quyết định khám nơi cất giấu tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính số:..... ngày..... tháng..... năm..... do.....
..... chức vụ..... ký[17];

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm..... tại .....
.....

Chúng tôi gồm:

1. ..... Chức vụ:..... Đơn vị: .....

2. ..... Chức vụ:..... Đơn vị: .....

Với sự chứng kiến của:

1. Ông (Bà): .....

Năm sinh:..... Quốc tịch:.....

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

CMND/Hộ chiếu số:..... ngày cấp:..... nơi cấp: .....

2. Ông (Bà): .....

---

[15] *Nếu biên bản do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp lập thì chỉ cần ghi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương...; huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh...; xã, phường, thị trấn... mà không cần ghi cơ quan chủ quản.*

[16] *Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.*

[17] *Ghi họ tên, chức vụ của người ký quyết định.*

Năm sinh:..... Quốc tịch:.....

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

CMND/Hộ chiếu số:..... ngày cấp:..... nơi cấp: .....

Tiến hành khám[18]:.....

.....

Là nơi cất giấu tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và lập biên bản về việc khám.

Người chủ nơi bị khám là[19].....

Năm sinh:..... Quốc tịch:.....

Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động):.....

Địa chỉ:.....

CMND/Hộ chiếu/ĐKKD/Quyết định thành lập số: .....
do:..... cấp ngày: .....

Đại diện theo pháp luật[20]:..... chức vụ: .....

Quá trình khám .....

Sau khi khám chúng tôi phát hiện có những tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, gồm[21]:

STT	**Tên tài liệu, tang vật, phương tiện**	**Số lượng**	**Chủng loại, nhãn hiệu, xuất xứ, tình trạng[22]**	**Ghi chú [23]**

Việc khám kết thúc vào hồi..... ngày..... giờ..... tháng..... năm .....

---

[18] *Ghi rõ địa chỉ nơi bị khám.*

[19] *Nếu chủ nơi bị khám vắng mặt thì ghi rõ họ tên người thành niên trong gia đình họ. Nếu nơi bị khám là tổ chức thì ghi tên tổ chức.*

[20] *Ghi họ tên, chức vụ của người đại diện theo pháp luật đối với tổ chức vi phạm.*

[21] *Nếu tang vật, tài liệu, phương tiện nhiều, lập thành danh mục đính kèm. Danh mục phải có đầy đủ chữ ký của những người có tên trong biên bản.*

[22] *Nếu có phương tiện phải ghi rõ biển kiểm soát, số đăng ký.*

[23] *Ghi rõ tang vật, phương tiện có được niêm phong không, nếu có niêm phong thì trên niêm phong phải có chữ ký của người vi phạm, có sự chứng kiến của đại diện gia đình, đại diện tổ chức hay đại diện chính quyền.*

Biên bản được lập thành..... bản; gồm..... trang; có nội dung và có giá trị như nhau. Đã giao cho..... 01 bản.

Sau khi đọc biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản và cùng ký vào biên bản.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có)[24]:

.....

CHỦ NƠI BỊ KHÁM HOẶC NGƯỜI THÀNH NIÊN TRONG GIA ĐÌNH *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN** *(Ký, ghi rõ họ tên)*
NGƯỜI CHỨNG KIẾN *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN** *(Ký, ghi rõ họ tên)*
	NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH KHÁM *(Ký, ghi rõ họ tên)*

[24] *Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.*

MBB03

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN[25] **TÊN CƠ QUAN LẬP BIÊN BẢN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../BB-TGTLTVPT	*A[26]....., ngày..... tháng..... năm.....*

BIÊN BẢN

TẠM GIỮ TÀI LIỆU, TANG VẬT, PHƯƠNG TIỆN VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Căn cứ Điều 45, Điều 46 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 đã sửa đổi, bổ sung năm 2007 và năm 2008;

Căn cứ Quyết định tạm giữ tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính số..... ngày..... tháng..... năm..... do[27]..... chức vụ..... ký;

Để có cơ sở xác minh thêm vụ việc vi phạm hành chính/hoặc ngăn chặn ngay hành vi vi phạm hành chính,

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm..... tại .....

..... ,

Chúng tôi gồm[28]:

1. ..... Chức vụ:..... Đơn vị: .....

2. ..... Chức vụ:..... Đơn vị: .....

Người vi phạm hành chính là:

Ông (bà)/tổ chức[29]: .....

Năm sinh:..... Quốc tịch: .....

Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động): .....

---

[25] *Nếu biên bản do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp lập thì chỉ cần ghi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương...; huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh...; xã, phường, thị trấn... mà không cần ghi cơ quan chủ quản.*

[26] *Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.*

[27] *Ghi họ tên, chức vụ của người ký quyết định tạm giữ tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.*

[28] *Họ tên, chức vụ của người lập biên bản.*

[29] *Ghi đầy đủ thông tin.*

Địa chỉ:.....

CMND/Hộ chiếu/ĐKKD/Quyết định thành lập số .....

do:..... cấp ngày:.....

Đại diện theo pháp luật[30]:..... chức vụ: .....

Với sự chứng kiến của[31]:

1. Ông (bà): .....

Năm sinh:..... Quốc tịch:.....

Nghề nghiệp:.....

Địa chỉ:.....

CMND/Hộ chiếu số:..... ngày cấp:..... nơi cấp: .....

2. Ông (bà): .....

Năm sinh:..... Quốc tịch:.....

Nghề nghiệp:.....

Địa chỉ:.....

CMND/Hộ chiếu số:..... ngày cấp:..... nơi cấp: .....

Tiến hành lập biên bản tạm giữ tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, gồm: .....

Số thứ tự	**Tên tài liệu, tang vật, phương tiện bị tạm giữ**	**Số lượng**	**Chủng loại, nhãn hiệu, xuất xứ, tình trạng tài liệu, tang vật, phương tiện[32]**	**Ghi chú[33]**
.....	.....	.....	.....	.....

[30] *Ghi họ tên, chức vụ của người đại diện theo pháp luật đối với tổ chức vi phạm.*

[31] *Họ và tên người làm chứng. Nếu có đại diện chính quyền phải ghi rõ họ tên, chức vụ.*

[32] *Nếu là phương tiện ghi thêm biển kiểm soát, số đăng ký; nếu là ngoại tệ thì ghi xê ri của từng tờ.*

[33] *Ghi rõ tang vật, phương tiện có được niêm phong không, nếu có niêm phong thì trên niêm phong phải có chữ ký của người vi phạm có sự chứng kiến của đại diện gia đình, đại diện tổ chức hay đại diện chính quyền không, nếu không có phải ghi rõ có sự chứng kiến của người khác.*

Ngoài những tài liệu, tang vật, phương tiện nêu trên, chúng tôi không tạm giữ thêm thứ gì khác.

Biên bản kết thúc vào hồi..... giờ cùng ngày; được lập thành 02 bản bao gồm..... tờ, có nội dung và giá trị pháp lý như nhau; Biên bản được đọc cho mọi người cùng nghe (đã đưa cho mọi người tự đọc), cùng công nhận là đúng, cùng ký tên vào từng trang và được giao cho người vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm một bản.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có)[34]: .....

NGƯỜI VI PHẠM (HOẶC ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC VI PHẠM) *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN** *(Ký, ghi rõ họ tên)*
NGƯỜI CHỨNG KIẾN *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN** *(Ký, ghi rõ họ tên)*
	NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH TẠM GIỮ *(Ký, ghi rõ họ tên)*

[34] *Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác ký và ghi rõ họ tên.*

MBB04

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN[35] **TÊN CƠ QUAN LẬP BIÊN BẢN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../BB-TLTLTVPT	*A[36]....., ngày..... tháng..... năm.....*

BIÊN BẢN

TRẢ LẠI TÀI LIỆU, TANG VẬT, PHƯƠNG TIỆN BỊ TẠM GIỮ

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm .....

Tại[37]: .....

Chúng tôi gồm[38]:

1..... Chức vụ:..... Đơn vị: .....

2..... Chức vụ:..... Đơn vị: .....

Với sự chứng kiến của:

1. Ông (Bà): .....

Năm sinh:..... Quốc tịch:.....

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

CMND/Hộ chiếu số:..... ngày cấp:..... nơi cấp: .....

2. Ông (Bà): .....

Năm sinh:..... Quốc tịch:.....

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

CMND/Hộ chiếu số:..... ngày cấp:..... nơi cấp: .....

---

[35] *Nếu biên bản do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp lập thì chỉ cần ghi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương...; huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh...; xã, phường, thị trấn... mà không cần ghi cơ quan chủ quản.*

[36] *Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.*

[37] *Ghi địa điểm tiến hành trả lại tài liệu, hàng hóa, phương tiện bị tạm giữ.*

[38] *Ghi tên người thực hiện việc trả lại tài liệu, tang vật, phương tiện.*

Đã tiến hành trả lại tài liệu, tang vật, phương tiện bị tạm giữ theo Quyết định trả lại tài liệu, tang vật, phương tiện bị tạm giữ số..... ngày.... tháng.... năm..... của

.....

Cho Ông (Bà)/tổ chức[39]: .....

Năm sinh:..... Quốc tịch:.....

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động):.....

CMND/Hộ chiếu/ĐKKD/QĐ thành lập số:.....

do:..... cấp ngày: .....

Đại diện theo pháp luật[40]:..... chức vụ: .....

Tài liệu, tang vật, phương tiện được trả lại gồm có[41]:

.....

Biên bản kết thúc vào hồi..... giờ.... ngày..... tháng..... năm .....

Biên bản được lập thành..... bản; mỗi bản gồm.....trang, có nội dung và giá trị như nhau. Đã giao cho..... 01 bản và một bản lưu hồ sơ.

Sau khi đọc biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản và cùng ký tên vào biên bản.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có)[42]:

.....

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN	**NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN**
(*Ký, ghi rõ họ tên)*	(*Ký, ghi rõ họ tên)*
NGƯỜI CHỨNG KIẾN	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**
(*Ký, ghi rõ họ tên)*	(*Ký, ghi rõ họ tên)*

---

[39] *Ghi tên người nhận lại tài liệu, tang vật, phương tiện.*

[40] *Ghi họ tên, chức vụ của người đại diện theo pháp luật đối với tổ chức vi phạm.*

[41] *Ghi tên gọi, số lượng, trình trạng (chất lượng) tài liệu, tang vật, phương tiện được trả lại; Nếu nhiều thì lập danh mục kèm theo và danh mục phải có đầy đủ chữ ký của những người có tên trong biên bản này.*

[42] *Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình; lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.*

MBB05

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN[43]
TÊN CƠ QUAN LẬP BIÊN BẢN

Số:...../BB-BGHSTVPT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

A[44]....., ngày..... tháng..... năm.....

BIÊN BẢN
BÀN GIAO HỒ SƠ, TANG VẬT, PHƯƠNG TIỆN VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm .....

Tại .....

Chúng tôi gồm:

Đại diện bên giao:

1..... Chức vụ:..... Đơn vị: .....

2..... Chức vụ:..... Đơn vị: .....

Đã tiến hành giao hồ sơ, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai của [45] ..... cho

Đại diện bên nhận:

1. ..... Chức vụ:..... Đơn vị: .....

2. ..... Chức vụ:..... Đơn vị: .....

HỒ SƠ GỒM [46]:

Số thứ tự	Tên bút lục hồ sơ	Số trang	Ghi chú

[43] Nếu biên bản do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp lập thì chỉ cần ghi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương...; huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh...; xã, phường, thị trấn... mà không cần ghi cơ quan chủ quản.

[44] Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.

[45] Ghi tên người vi phạm, tổ chức vi phạm.

[46] Nếu hồ sơ nhiều, lập thành danh mục đính kèm. Danh mục phải có đầy đủ chữ ký của những người có tên trong biên bản.

TANG VẬT, PHƯƠNG TIỆN GỒM [47]:

Số thứ tự	Tên tang vật, phương tiện	Trọng lượng, số lượng	Ghi chú

Chúng tôi lập biên bản bàn giao hồ sơ, tang vật, phương tiện ghi trên để xử lý theo quy định:.....

.....

Đại diện bên nhận đã kiểm tra lại và nhận đầy đủ các hồ sơ, tang vật, phương tiện theo danh mục nêu trên.

Biên bản kết thúc vào hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm .....

Biên bản được lập thành..... bản; mỗi bản gồm..... trang; có nội dung và có giá trị như nhau. Đã giao cho..... 01 bản và một bản lưu hồ sơ.

Sau khi đọc biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản và cùng ký vào biên bản.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có)[48]:

.....

.....

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên)

---

[47] *Ghi rõ tên tang vật, phương tiện. Nếu tang vật, phương tiện nhiều, lập thành danh mục đính kèm. Danh mục phải có đầy đủ chữ ký của những người có tên trong biên bản.*

[48] *Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.*

MBB06

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN[49] **TÊN CƠ QUAN LẬP BIÊN BẢN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../BB-THTVPT	*A[50]....., ngày..... tháng..... năm.....*

BIÊN BẢN

TIÊU HỦY TANG VẬT, PHƯƠNG TIỆN VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm .....

Tại .....

Tiến hành việc tiêu hủy tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai theo Quyết định số..... ngày..... tháng..... năm..... của .....

.....

Chúng tôi gồm:

1. ..... Chức vụ:..... Đơn vị: .....

2. ..... Chức vụ:..... Đơn vị: .....

3. ..... Chức vụ:..... Đơn vị: .....

4. ..... Chức vụ:..... Đơn vị: .....

.....

Với sự chứng kiến của:

1. Ông (bà): .....

Năm sinh:..... Quốc tịch:.....

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

CMND/Hộ chiếu số:..... ngày cấp:..... nơi cấp: .....

---

[49] *Nếu biên bản do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp lập thì chỉ cần ghi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương...; huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh...; xã, phường, thị trấn... mà không cần ghi cơ quan chủ quản.*

[50] *Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.*

2. Ông (bà): .....

Năm sinh:..... Quốc tịch:.....

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

CMND/Hộ chiếu số:..... ngày cấp:..... nơi cấp: .....

Chứng nhận rằng[51]:

.....

Biên bản kết thúc vào hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm .....

Biên bản được lập thành..... bản; mỗi bản gồm..... trang không tách rời, có nội dung và có giá trị như nhau.

Đã giao cho..... 01 bản.

Sau khi đọc biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản và cùng ký vào biên bản.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có)[52].....

NGƯỜI CHỨNG KIẾN	**NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TIÊU HỦY

(Ký, ghi rõ họ tên)

[51] *Ghi cụ thể quá trình tiến hành tiêu hủy*

[52] *Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.*

MBB07

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN[53] **TÊN CƠ QUAN LẬP** **BIÊN BẢN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../BB-TTTV-PT	*A[54]....., ngày..... tháng..... năm.....*

BIÊN BẢN

TỊCH THU TANG VẬT, PHƯƠNG TIỆN VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI

Căn cứ Quyết định[55]..... ngày..... tháng..... năm .....

do:..... chức vụ: ..... ký[56];

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm..... tại .....

.....

Chúng tôi gồm[57]:

1. ..... Chức vụ:..... Đơn vị: .....

2. ..... Chức vụ:..... Đơn vị: .....

Tiến hành lập biên bản tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính của:

Ông (bà)/tổ chức: .....

Năm sinh:..... Quốc tịch: .....

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động): .....

CMND/Hộ chiếu/ĐKKD/Quyết định thành lập số: .....

do:..... cấp ngày:.....

---

[53] *Nếu biên bản do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp lập thì chỉ cần ghi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương...; huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh...; xã, phường, thị trấn... mà không cần ghi cơ quan chủ quản.*

[54] *Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.*

[55] *Ghi tên quyết định là quyết định xử phạt hoặc quyết định tịch thu hàng hóa, vật phẩm, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.*

[56] *Ghi họ tên, chức vụ của người ký quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.*

[57] *Họ tên và chức vụ người lập biên bản.*

Đại diện theo pháp luật[58]:..... chức vụ: .....

Với sự chứng kiến của[59]: .....

1. Ông (bà): .....

Năm sinh:..... Quốc tịch:.....

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

CMND/Hộ chiếu số:..... ngày cấp:..... nơi cấp: .....

2. Ông (bà): .....

Năm sinh: ..... Quốc tịch: .....

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

CMND/Hộ chiếu số:..... ngày cấp:..... nơi cấp: .....

Tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu gồm:

Số thứ tự	**Tên tang vật, phương tiện bị tịch thu**	**Số lượng**	**Chủng loại, nhãn hiệu, xuất xứ, tình trạng tang vật, phương tiện[60]**	**Ghi chú[61]**

Biên bản kết thúc vào hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm .....

Biên bản được lập thành..... bản; mỗi bản gồm..... trang không tách rời; có nội dung và có giá trị như nhau.

Đã giao cho..... 01 bản.

Sau khi đọc biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản và cùng ký vào biên bản.

---

[58] *Ghi họ tên, chức vụ của người đại diện theo pháp luật đối với tổ chức vi phạm.*

[59] *Họ và tên người làm chứng. Nếu có đại diện chính quyền phải ghi rõ họ tên, chức vụ.*

[60] *Nếu là phương tiện ghi thêm biển kiểm soát, số đăng ký.*

[61] *Ghi rõ tang vật, phương tiện có được niêm phong không, nếu có niêm phong thì trên niêm phong phải có chữ ký của người vi phạm, có sự chứng kiến của người chứng kiến, đại diện tổ chức hay đại diện chính quyền (nếu có); Nếu tang vật, phương tiện nhiều, lập thành danh mục đính kèm. Danh mục phải có đầy đủ chữ ký của những người có tên trong biên bản.*

Ý kiến bổ sung khác (nếu có)[62]:

.....

.....

.....

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH TỊCH THU *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN** *(Ký, ghi rõ họ tên)*

NGƯỜI VI PHẠM HOẶC ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC VI PHẠM *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**NGƯỜI CHỨNG KIẾN** *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN (NẾU CÓ)** *(Ký, ghi rõ họ tên)*

[62] *Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.*

MẪU ĐỀ01

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN[63] **TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../QĐ-XPHC	*A[64]..... , ngày... tháng... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH

XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002, đã sửa đổi, bổ sung năm 2007 và năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính do.....[65]lập, hồi.... giờ.... ngày... tháng... năm..... tại.....

.....;

Xét nội dung, tính chất, mức độ của hành vi vi phạm hành chính;

Tôi:.....[66] Chức vụ: .....;

Đơn vị: .....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với:

Ông (Bà)/tổ chức: .....

Năm sinh:..... Quốc tịch:.....

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động):.....

---

[63] *Nếu Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp ra quyết định thì chỉ cần ghi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương...; huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh...; xã, phường, thị trấn... mà không cần ghi cơ quan chủ quản*

[64] *Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.*

[65] *Ghi rõ thông tin về họ tên, chức vụ, đơn vị công tác của người lập biên bản.*

[66] *Họ tên người ra Quyết định xử phạt.*

CMND/Hộ chiếu/ĐKKD/Quyết định thành lập số: .....
do:..... cấp ngày: .....

Đại diện theo pháp luật[67]:..... chức vụ: .....

Vì đã có hành vi vi phạm pháp luật đất đai[68]:

.....

quy định tại điểm..... khoản..... Điều..... của Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Tình tiết giảm nhẹ[69]:

- .....

Tình tiết tăng nặng[70]:

- .....

Với các hình thức xử phạt sau:

1. Hình thức xử phạt chính[71]:

Cảnh cáo: .....

Phạt tiền với mức phạt là .....đồng.

(Viết bằng chữ.....).

2. Hình thức phạt bổ sung[72]:

- .....

- .....

---

[67] *Ghi họ tên, chức vụ của người đại diện theo pháp luật đối với tổ chức vi phạm.*

[68] *Ghi hành vi vi phạm, ví dụ: Sử dụng đất không đúng mục đích quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 của Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.*

[69] *Ghi tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 8 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 đã sửa đổi, bổ sung năm 2007 và năm 2008.*

[70] *Ghi tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 9 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 đã sửa đổi, bổ sung năm 2007 và năm 2008.*

[71] *Nếu phạt cảnh cáo thì ghi vào vị trí phạt cảnh cáo không ghi vào vị trí phạt tiền; nếu phạt tiền thì ghi cụ thể số tiền phạt (bằng số và bằng chữ) vào vị trí phạt tiền mà không ghi vào vị trí phạt cảnh cáo.*

[72] *Nếu có hình thức phạt bổ sung thì ghi một trong các hình thức phạt bổ sung quy định tại khoản 2 Điều 5 của Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Ví dụ: tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính; tước giấy phép, chứng chỉ hành nghề định giá...*

3. Biện pháp khắc phục hậu quả[73]:

.....

.....

Điều 2. Ông (bà)/tổ chức .....

phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định xử phạt trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày được giao Quyết định xử phạt là ngày..... tháng..... năm..... trừ trường hợp được hoãn chấp hành hoặc ..... [74]

Số tiền phạt quy định tại Điều 1 phải nộp vào tài khoản số:..... của Kho bạc Nhà nước..... có địa chỉ tại .... trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày được giao Quyết định xử phạt.

Quá thời hạn trên, nếu Ông (bà)/tổ chức..... cố tình không chấp hành Quyết định xử phạt thì bị cưỡng chế thi hành.

Ông (bà)/tổ chức..... có quyền khiếu nại, khởi kiện đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính này theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày..... tháng..... năm.....[75].

Trong thời hạn ba ngày, Quyết định này được gửi cho:

1. Ông (bà)/tổ chức: ..... để chấp hành;

2. Kho bạc Nhà nước ..... để thu tiền phạt;

3. .....

Nơi nhận:	**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**
- Như Điều 3;	*(Ký, đóng dấu)*
- .....;	
- Lưu: VT.	**Nguyễn Văn A**

---

[73] *Ghi biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 5 của Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Ví dụ: buộc khôi phục lại tình trạng của đất như trước khi vi phạm.*

[74] *Ghi rõ lý do.*

[75] *Ngày ký Quyết định hoặc ngày do người có thẩm quyền xử phạt quyết định.*

MQĐ02

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN[76] **TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH** Số:...../QĐ-KPHQ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *A[77]..... , ngày... tháng... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH

ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ TRONG TRƯỜNG HỢP KHÔNG RA QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002, đã sửa đổi, bổ sung năm 2007 và năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính do.....[78] lập, hồi.... giờ.... ngày... tháng... năm... tại.....
.....;

Để khắc phục triệt để hậu quả do vi phạm hành chính gây ra,

Tôi:.....[79] Chức vụ: .....;

Đơn vị: .....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính đối với:

Đối với ông (bà)/tổ chức:.....

Năm sinh:..... Quốc tịch:.....

Địa chỉ:.....

CMND/Hộ chiếu/ĐKKD/Quyết định thành lập số: .....

---

[76] *Nếu Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp ra quyết định thì chỉ cần ghi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương...; huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh...; xã, phường, thị trấn... mà không cần ghi cơ quan chủ quản.*

[77] *Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.*

[78] *Ghi rõ thông tin về họ tên, chức vụ, đơn vị công tác của người lập biên bản.*

[79] *Họ tên người ra Quyết định xử phạt.*

do:..... cấp ngày: .....

Đại diện theo pháp luật[80]: ..... chức vụ:.....

Lý do:

Đã có hành vi vi phạm hành chính[81]:.....

Quy định tại điểm..... khoản..... Điều..... của Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Những tình tiết liên quan đến việc giải quyết vụ vi phạm: .....

.....

Lý do không xử phạt vi phạm hành chính: .....

.....

Hậu quả cần khắc phục là: .....

.....

Biện pháp để khắc phục hậu quả là: .....

.....

Điều 2. Ông (Bà)/tổ chức: .....

Phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định này trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày được giao Quyết định và thực hiện xong các biện pháp khắc phục hậu quả trước ngày..... tháng..... năm..... trừ trường hợp ..... [82].

Quá thời hạn này, nếu ông (bà)/tổ chức: .....
cố tình không chấp hành thì bị cưỡng chế thi hành.

Ông (bà)/tổ chức: .....
có quyền khiếu nại đối với quyết định này theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày..... tháng..... năm .....

Ông (bà)/tổ chức ..... chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- .....;
- Lưu.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

---

[80] *Ghi họ tên, chức vụ của người đại diện theo pháp luật đối với tổ chức vi phạm.*
[81] *Nếu có nhiều hành vi thì ghi cụ thể từng hành vi vi phạm.*
[82] *Ghi rõ lý do*

MẪU Đ03

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN[83] **TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH** Số:...../QĐ-HPT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *A[84]..... , ngày... tháng... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH

HOÃN CHẤP HÀNH QUYẾT ĐỊNH PHẠT TIỀN ĐỐI VỚI CÁ NHÂN

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002, đã sửa đổi, bổ sung năm 2007 và năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số..... ngày..... tháng..... năm..... của.....

Xét đơn đề nghị của ông (bà)[85]:..... ngày..... tháng..... năm.....

Địa chỉ:.....

Về việc xin hoãn chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh đất đai số..... ngày..... tháng..... năm..... của .....

Căn cứ xác nhận của:[86]..... về việc ông (bà):..... đang gặp khó khăn đặc biệt về kinh tế,

Tôi:.....[87] Chức vụ: .....;

Đơn vị: .....,

QUYẾT ĐỊNH:

---

[83] *Nếu Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp ra quyết định thì chỉ cần ghi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương...; huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh...; xã, phường, thị trấn... mà không cần ghi cơ quan chủ quản.*

[84] *Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.*

[85] *Ghi tên cá nhân xin hoãn chấp hành quyết định phạt tiền.*

[86] *Ghi tên UBND xã, phường, thị trấn hoặc tổ chức xác nhận việc cá nhân gặp khó khăn về kinh tế.*

[87] *Họ tên người ra Quyết định xử phạt.*

Điều 1. Hoãn chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số..... ngày..... tháng..... năm..... của .....

Đối với ông (bà):.....

Ông (Bà):..... được nhận lại:[88].....

đang bị tạm giữ theo Quyết định tạm giữ tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số:..... ngày.... tháng... năm..... và Biên bản tạm giữ tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm số..... ngày.... tháng..... năm.....

Điều 2. Thời hạn hoãn chấp hành Quyết định xử phạt số.....tính từ ngày ký Quyết định này đến ngày..... tháng..... năm[89] .....

Hết thời hạn nêu trên, ông (bà):..... có trách nhiệm chấp hành Quyết định xử phạt số..... ngày..... tháng..... năm..... Trường hợp không chấp hành Quyết định xử phạt này thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Ông (bà)/đơn vị:..... và ông (bà): .....

..... có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3..... ;
- .....;
- Lưu:.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

---

[88] *Ghi các loại giấy tờ, tài liệu, phương tiện cá nhân được nhận lại.*

[89] *Ghi thời hạn hoãn chấp hành quyết định phạt tiền theo khoản 2 Điều 65 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.*

MQĐ04

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN[90] **TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../QĐ-KNCGTLTVPT	*A[91]....., ngày... tháng... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH
KHÁM NƠI CẤT GIẤU TÀI LIỆU, TANG VẬT, PHƯƠNG TIỆN VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002, đã sửa đổi, bổ sung năm 2007 và năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Xét cần phải áp dụng biện pháp khám nơi cất giấu tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai để [92] .....;

Tôi:.....[93] Chức vụ: .....;

Đơn vị: ..... ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Khám[94] .....

của ông (bà)/tổ chức: .....

Năm sinh:..... Quốc tịch:.....

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

---

[90] *Nếu Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp ra quyết định thì chỉ cần ghi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương...; huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh...; xã, phường, thị trấn... mà không cần ghi cơ quan chủ quản.*

[91] *Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.*

[92] *Ghi lý do, mục đích của việc khám*

[93] *Họ tên người ra Quyết định xử phạt.*

[94] *Ghi địa chỉ nơi tiến hành khám*

CMND/Hộ chiếu/ĐKKD/QĐ thành lập số:.....
do..... cấp ngày: .....

Đại diện theo pháp luật[95]:..... chức vụ: .....

Điều 2. Ông (Bà)/đơn vị:.....
có trách nhiệm thi hành quyết định này theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này được giao cho:

Ông (bà)/đại diện tổ chức:..... để chấp hành.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- .....;
- Lưu: VT.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Ký, đóng dấu)

Nguyễn Văn A

Ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trước khi tiến hành khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện là nơi ở:.....

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

[95] *Ghi họ tên, chức vụ của người đại diện theo pháp luật đối với tổ chức vi phạm.*

MQĐ05

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN[96] **TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../QĐ-TGTLTVPT	*A[97]..... , ngày... tháng... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH
TẠM GIỮ TÀI LIỆU, TANG VẬT, PHƯƠNG TIỆN
VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002, đã sửa đổi, bổ sung năm 2007 và năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Xét cần phải áp dụng biện pháp tạm giữ tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai để[98] .....

.....

Tôi:.....[99] Chức vụ: .....;

Đơn vị: ..... ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tạm giữ tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính của:

Ông (bà)/tổ chức:[100] .....

Năm sinh:..... Quốc tịch:.....

---

[96] *Nếu Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp ra quyết định thì chỉ cần ghi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương...; huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh...; xã, phường, thị trấn... mà không cần ghi cơ quan chủ quản.*

[97] *Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.*

[98] *Ghi rõ lý do tạm giữ tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (như xác minh tình tiết làm rõ căn cứ ra quyết định xử phạt hoặc ngăn chặn hành vi vi phạm)*

[99] *Họ tên người ra Quyết định xử phạt.*

[100] *Ghi tên cá nhân, tổ chức có tài liệu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ*

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

CMND/Hộ chiếu/ĐKKD/QĐ thành lập số:.....

do..... cấp ngày:.....

Đại diện theo pháp luật[101]:..... chức vụ:.....

Những tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính về đất đai sau đây bị tạm giữ[102]:.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Lý do:

Ông (bà)/tổ chức: .....
đã có hành vi vi phạm hành chính[103]:.....

.....

Quy định tại điểm..... khoản..... Điều..... của Nghị định số 105/2009/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Điều 2. Thời hạn tạm giữ tính từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm [104].....

Điều 3. Việc tạm giữ tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính được lập biên bản (kèm theo Quyết định này).

Điều 4. Quyết định này được giao cho:.....

1. Ông (bà)/tổ chức: .....để chấp hành;

---

[101] *Ghi họ tên, chức vụ của người đại diện theo pháp luật đối với tổ chức vi phạm.*

[102] *Nếu tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính nhiều thì lập bảng thống kê đính kèm Quyết định*

[103] *Nếu có nhiều hành vi thì ghi cụ thể từng hành vi vi phạm.*

[104] *Ghi thời hạn tạm giữ theo quy định tại khoản 5 Điều 46 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2007 và năm 2008.*

2. Gửi[105] .....;

3. Gửi .....;

Quyết định này gồm:..... trang, được đóng dấu giáp lai giữa các trang./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- .....;
- Lưu.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ý kiến của thủ trưởng người ra quyết định tạm giữ [106]

.....

.....

.....

---

[105] *Trường hợp người quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính không phải là người có thẩm quyền quy định tại Điều 45 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính thì QĐ này phải được gửi để báo cáo thủ trưởng của người ra quyết định tạm giữ.*

[106] *Thủ trưởng của người ra quyết định tạm giữ (người tạm giữ không có thẩm quyền theo quy định tại Điều 45 Pháp lệnh) có ý kiến về việc tạm giữ, đồng ý hoặc không đồng ý.*

MQĐ06

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN[107] **TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../QĐ-TLTLTVPT	*A[108]..... , ngày... tháng... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH

TRẢ LẠI TÀI LIỆU, TANG VẬT, PHƯƠNG TIỆN BỊ TẠM GIỮ

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 đã sửa đổi, bổ sung năm 2007 và năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số:..... ngày... tháng... năm....

Xét thấy không cần thiết phải áp dụng Quyết định tạm giữ tài liệu, tang vật, phương tiện số..... ngày..... tháng..... năm..... của.....

.....,

Tôi:.....[109] Chức vụ:.....;

Đơn vị: .....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Trả lại[110] .....

.....

.....

---

[107] *Nếu Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp ra quyết định thì chỉ cần ghi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương...; huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh...; xã, phường, thị trấn... mà không cần ghi cơ quan chủ quản.*

[108] *Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.*

[109] *Họ tên người ra Quyết định xử phạt.*

[110] *Ghi rõ số tài liệu, tang vật, phương tiện do cơ quan tạm giữ trả lại. Nếu tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính nhiều thì lập bảng thống kê đính kèm Quyết định.*

cho ông (bà)/tổ chức[111]: .....

Địa chỉ:.....

Điều 2. Các ông (bà).....

..... có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- .....
- Lưu VT.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Ký, đóng dấu)

Nguyễn Văn A

[111] *Ghi rõ họ tên người được trả lại hàng hóa, phương tiện vật phẩm.*

MQĐ07

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN[112] **TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../QĐ-TTTVPT	*A[113]..... , ngày... tháng... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH

TỊCH THU TANG VẬT, PHƯƠNG TIỆN VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 đã sửa đổi, bổ sung năm 2007 và năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ biên bản số..... ngày..... tháng..... năm.....
do..... lập;
Tôi:.....[114] Chức vụ:.....;
Đơn vị: .....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tịch thu .....[115]
.....

Điều 2. Trình tự, thủ tục tịch thu tang vật, phương tiện thực hiện theo quy định tại Điều 60, 61 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 3. Các ông (bà).....
và ông (bà)..... có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: - Như Điều 3; - ..... - Lưu VT.....	**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** *(Ký, đóng dấu)* **Nguyễn Văn A**

---

[112] *Nếu Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp ra quyết định thì chỉ cần ghi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương...; huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh...; xã, phường, thị trấn... mà không cần ghi cơ quan chủ quản.*

[113] *Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.*

[114] *Họ tên người ra Quyết định xử phạt.*

[115] *Ghi rõ hàng hóa, tang vật hoặc phương tiện bị tịch thu.*

MQĐ08

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN[116] **TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../QĐ-HQĐXP	*A[117]..... , ngày... tháng... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH

HỦY QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Căn cứ Điều 62 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 đã được sửa đổi bổ sung năm 2007 và năm 2008;

Căn cứ .....;

Căn cứ hồ sơ vụ việc, xét hành vi vi phạm của ông (bà), tổ chức[118]....., có dấu hiệu tội phạm,

Tôi:.....[119] Chức vụ:.....;

Đơn vị: .....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số..... ngày..... tháng..... năm..... của .....

Đối với ông (bà)/tổ chức[120].....

Năm sinh:..... Quốc tịch.....

Địa chỉ.....

CMND/Hộ chiếu/ĐKKD/QĐ thành lập số:.....

do..... cấp ngày:.....

---

[116] *Nếu Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp ra quyết định thì chỉ cần ghi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương...; huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh...; xã, phường, thị trấn... mà không cần ghi cơ quan chủ quản.*

[117] *Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.*

[118] *Ghi tên cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm đã bị xử phạt*

[119] *Họ tên người ra Quyết định xử phạt.*

[120] *Ghi tên cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm đã bị xử phạt*

Đại diện theo pháp luật[121]:..... chức vụ:.....

Điều 2. Trong thời hạn 3 ngày, kể từ ngày ra Quyết định này, ông (bà)/đơn vị..... có trách nhiệm chuyển toàn bộ hồ sơ vụ việc có liên quan đến hành vi vi phạm của ông (bà), tổ chức:..... cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự để giải quyết theo thẩm quyền.

Điều 3. Các ông (bà)/đơn vị[122] ..... có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- .....;
- Lưu:.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

[121] *Ghi họ tên, chức vụ của người đại diện theo pháp luật đối với tổ chức vi phạm.*
[122] *Ghi chức danh người có trách nhiệm chuyển hồ sơ cho cơ quan tiến hành tố tụng.*

MQĐ09

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN[123]
TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

Số:...../QĐ-CCKTTKNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

A[124]..... , ngày... tháng... năm.....

QUYẾT ĐỊNH
VỀ VIỆC ÁP DỤNG BIỆN PHÁP CƯỠNG CHẾ KHẤU TRỪ TIỀN TỪ TÀI KHOẢN TẠI NGÂN HÀNG, CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG

Căn cứ Điều 66 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002, đã sửa đổi, bổ sung năm 2007 và năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số..... ngày..... tháng..... năm..... của.....

Để bảo đảm thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai nêu trên;

Tôi:.....[125] Chức vụ:.....;

Đơn vị: ..... ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Áp dụng biện pháp cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản tại[126] .....

.....

để nộp vào Ngân sách Nhà nước đối với ông (bà)/tổ chức:.....

Năm sinh:..... Quốc tịch:.....

---

[123] *Nếu Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp ra quyết định thì chỉ cần ghi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương...; huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh...; xã, phường, thị trấn... mà không cần ghi cơ quan chủ quản.*

[124] *Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.*

[125] *Họ tên người ra Quyết định xử phạt.*

[126] *Ghi tên Ngân hàng, Tổ chức tín dụng nơi đối tượng bị cưỡng chế mở tài khoản.*

Địa chỉ:.....

CMND/Hộ chiếu/ĐKKD/QĐ thành lập số:.....

do..... cấp ngày .....

Đại diện theo pháp luật[127]:..... chức vụ:.....

Số tài khoản .....

Số tiền khấu trừ:[128] .....

.....

Lý do bị cưỡng chế: do không chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai nêu trên.

Điều 2. Ngay khi nhận được Quyết định này, ông (bà) Giám đốc[129]..... nơi ông (bà)/tổ chức..... mở tài khoản tiền gửi có trách nhiệm trích số tiền nêu tại Điều 1 Quyết định này từ tài khoản của ông (bà)/tổ chức: ..... để nộp vào tài khoản số..... tại Kho bạc Nhà nước..... trong thời hạn 5 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

Mọi chi phí chuyển số tiền nêu trên do ông (bà)/tổ chức .....

..... chịu trách nhiệm chi trả.

Sau khi trích nộp số tiền trên vào Ngân sách nhà nước, ông (bà) Giám đốc[130]..... có trách nhiệm kịp thời chuyển giao các chứng từ chuyển tiền cho các đơn vị liên quan để ghi sổ kế toán.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày..... tháng..... năm .....

Ông (Bà)/tổ chức:..... và ông (bà) Giám đốc[131]..... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều.....;
- .....;
- Lưu.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

---

[127] *Ghi họ tên, chức vụ của người đại diện theo pháp luật đối với tổ chức vi phạm.*
[128] *Số tiền trích nộp: ghi cụ thể bằng số và ghi bằng chữ*
[129] *Ghi tên Ngân hàng, Tổ chức tín dụng nơi đối tượng bị cưỡng chế mở tài khoản*
[130] *Ghi tên Ngân hàng, Tổ chức tín dụng nơi đối tượng bị cưỡng chế mở tài khoản*
[131] *Ghi tên Ngân hàng, Tổ chức tín dụng nơi đối tượng bị cưỡng chế mở tài khoản*

MQĐ10

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN[132] **TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../QĐ-CCKTTLTN	*A[133]..... , ngày... tháng... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH
VỀ VIỆC ÁP DỤNG BIỆN PHÁP CƯỠNG CHẾ
KHẤU TRỪ MỘT PHẦN TIỀN LƯƠNG HOẶC MỘT PHẦN THU NHẬP

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002, đã sửa đổi, bổ sung năm 2007 và năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số..... ngày..... tháng..... năm..... của.....

Để bảo đảm thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai nêu trên;

Tôi:.....[134] Chức vụ:.....;

Đơn vị: .....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Áp dụng biện pháp cưỡng chế khấu trừ một phần tiền lương hoặc một phần thu nhập do[135]..... đang quản lý đối với:

Ông (Bà): .....

Năm sinh:..... Quốc tịch:.....

---

[132] *Nếu Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp ra quyết định thì chỉ cần ghi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương...; huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh...; xã, phường, thị trấn... mà không cần ghi cơ quan chủ quản.*

[133] *Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.*

[134] *Họ tên người ra Quyết định xử phạt.*

[135] *Ghi tên cơ quan/tổ chức đang quản lý tiền lương, thu nhập của đối tượng bị cưỡng chế.*

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

CMND/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Số tiền khấu trừ[136]:.....

.....

Số tiền khấu trừ hàng tháng[137]: .....

Lý do: Không chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai nêu trên.

Thời gian thực hiện cưỡng chế: Từ ngày.... tháng.... năm..... đến khi thực hiện xong việc khấu trừ.

Điều 2. Ngay khi đến kỳ trả tiền lương hoặc thu nhập gần nhất ông (bà) Thủ trưởng[138] .....
có trách nhiệm khấu trừ một phần tiền lương hoặc một phần thu nhập của ông (bà).....
và chuyển số tiền đã khấu trừ vào tài khoản số..... tại[139] .....
.....

Mọi chi phí chuyển số tiền nêu trên do ông (bà).....
chịu trách nhiệm chi trả.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày..... tháng..... năm.....

Ông (Bà): .....
và ông (bà) Thủ trưởng[140].....
chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều.....;
- .....;
- Lưu.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

---

[136] *Số tiền khấu trừ: ghi cụ thể bằng số và ghi bằng chữ*

[137] *Tỷ lệ khấu trừ tiền lương, trợ cấp hưu trí hoặc mất sức đối với cá nhân không quá ba mươi phần trăm (30%) trên tổng số tiền lương, trợ cấp hàng tháng của cá nhân đó. Đối với những khoản thu nhập khác thì tỷ lệ khấu trừ căn cứ vào thu nhập thực tế của người đó (nhưng không quá 50% tổng số thu nhập).*

[138] *Ghi tên cơ quan/tổ chức đang quản lý tiền lương, thu nhập của đối tượng bị cưỡng chế.*

[139] *Ghi tên KBNN nơi nhận tiền chuyển đến.*

[140] *Tên cơ quan/tổ chức đang quản lý tiền lương, thu nhập của đối tượng bị cưỡng chế.*

MQĐ11

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN[141] **TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../QĐ-CCKBTS-BĐG	*A[142]..... , ngày... tháng... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH
CƯỠNG CHẾ KÊ BIÊN TÀI SẢN CÓ GIÁ TRỊ TƯƠNG ỨNG
VỚI SỐ TIỀN PHẠT ĐỂ BÁN ĐẤU GIÁ

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002, đã sửa đổi, bổ sung năm 2007 và năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số..... ngày..... tháng..... năm..... của.....

Để bảo đảm thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai nêu trên;

Tôi:.....[143] Chức vụ:.....;

Đơn vị: .....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt để bán đấu giá đối với:

Ông (Bà)/tổ chức:.....

Năm sinh:..... Quốc tịch:.....

Địa chỉ:.....

---

[141] *Nếu Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp ra quyết định thì chỉ cần ghi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương...; huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh...; xã, phường, thị trấn... mà không cần ghi cơ quan chủ quản.*

[142] *Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.*

[143] *Họ tên người ra Quyết định xử phạt.*

CMND/Hộ chiếu/ĐKKD/QĐ thành lập số:.....
do..... cấp ngày: .....

Đại diện theo pháp luật[144]: ..... chức vụ: .....

Lý do bị cưỡng chế: Không chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai nêu trên;

Địa điểm thực hiện cưỡng chế .....
.....

Số tiền bị cưỡng chế[145]: .....
.....

Thời gian thực hiện cưỡng chế: .....

Mọi chi phí liên quan đến việc cưỡng chế kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản nêu trên do ông (bà)/tổ chức..... chịu trách nhiệm chi trả.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày..... tháng..... năm .....

1. Đơn vị..... và ông (bà)/tổ chức: ..... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Đơn vị ..... chịu trách nhiệm phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- .....;
- Lưu.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

---

[144] *Ghi họ tên, chức vụ của người đại diện theo pháp luật đối với tổ chức vi phạm.*

[145] *Ghi cụ thể số tiền bị xử phạt cần phải cưỡng chế bằng biện pháp kê biên bằng số và bằng chữ.*

MẪU Đ12

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN[146] **TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH** Số:...../QĐ-CCK	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *A[147]....., ngày... tháng... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC ÁP DỤNG BIỆN PHÁP CƯỠNG CHẾ BẰNG CÁC BIỆN PHÁP KHÁC ĐỂ THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI HOẶC QUYẾT ĐỊNH ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ TRONG TRƯỜNG HỢP KHÔNG RA QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH[148]

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002, đã sửa đổi, bổ sung năm 2007 và năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số..... ngày..... tháng..... năm..... của..... hoặc Quyết định áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số..... ngày.... tháng..... năm.... của..... .....[149]

Để bảo đảm thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai hoặc Quyết định áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính[150] nêu trên;

Tôi:.....[151] Chức vụ:.....;

Đơn vị: .....,

---

[146] *Nếu Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp ra quyết định thì chỉ cần ghi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương...; huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh...; xã, phường, thị trấn... mà không cần ghi cơ quan chủ quản.*

[147] *Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.*

[148] *Ghi một trong hai loại Quyết định.*

[149] *Ghi một trong hai loại Quyết định.*

[150] *Ghi một trong hai loại Quyết định.*

[151] *Họ tên người ra Quyết định xử phạt.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Áp dụng biện pháp cưỡng chế[152] .....

.....

Đối với ông (bà)/tổ chức.....

Năm sinh:..... Quốc tịch:.....

Địa chỉ:.....

CMND/Hộ chiếu/ĐKKD/QĐ thành lập số:.....
do..... cấp ngày: .....

Đại diện theo pháp luật[153]: ..... chức vụ:.....

Lý do bị cưỡng chế: Không thực hiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai hoặc Quyết định áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính[154] nêu trên;

Địa điểm thực hiện cưỡng chế:.....

.....

Các biện pháp khắc phục hậu quả phải thực hiện[155]:.....

.....

.....

Tên tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính bị tịch thu[156]:.....

.....

.....

.....

Thời gian thực hiện cưỡng chế: .....

.....

Mọi chi phí liên quan đến việc cưỡng chế nêu trên do ông (bà)/tổ chức:.....
..... chịu trách nhiệm chi trả.

---

[152] *Ghi cụ thể biện pháp cưỡng chế.*

[153] *Ghi họ tên, chức vụ của người đại diện theo pháp luật đối với tổ chức vi phạm.*

[154] *Ghi một trong hai loại Quyết định.*

[155] *Ghi mục này nếu áp dụng biện pháp cưỡng chế để thi hành các biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra.*

[156] *Ghi mục này nếu áp dụng biện pháp cưỡng chế để tịch thu tang vật, phương tiện dược sử dụng để vi phạm hành chính.*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày..... tháng..... năm.....

1. Đơn vị: .....
và ông (bà)/tổ chức:.....
chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Đơn vị: .....
chịu trách nhiệm phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như Điều.....;
- .....;
- Lưu.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

MBB08

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN[157]
TÊN CƠ QUAN LẬP BIÊN BẢN

Số:...../BB-CC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

A[158]..... , ngày... tháng... năm.....

BIÊN BẢN
CƯỠNG CHẾ THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm .....

Tại .....

Thực hiện Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số:..... ngày..... tháng..... năm.....

của .....

Chúng tôi gồm[159]:

1..... Chức vụ:..... Đơn vị: .....

2..... Chức vụ:..... Đơn vị: .....

3..... Chức vụ:..... Đơn vị: .....

4..... Chức vụ:..... Đơn vị: .....

Với sự chứng kiến của:

1. Ông (bà): .....

Năm sinh:..... Quốc tịch: .....

Địa chỉ: .....

Nghề nghiệp: .....

---

[157] *Nếu biên bản do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp lập thì chỉ cần ghi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương...; huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh...; xã, phường, thị trấn... mà không cần ghi cơ quan chủ quản.*

[158] *Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.*

[159] *Ghi tên của những người tham gia thực hiện cưỡng chế và các cơ quan khác phối hợp theo quy định tại Điều 66 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 đã sửa đổi bổ sung năm 2007 và năm 2008.*

CMND/Hộ chiếu số:..... ngày cấp:..... nơi cấp: .....

2. Ông (bà) .....

Năm sinh:..... Quốc tịch:.....

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

CMND/Hộ chiếu số:..... ngày cấp:..... nơi cấp: .....

Đã tiến hành cưỡng chế theo thủ tục hành chính đối với:

Ông (bà)/tổ chức[160]: .....

Năm sinh:..... Quốc tịch:.....

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

CMND/Hộ chiếu/ĐKKD/QĐ thành lập số:.....

do..... cấp ngày:.....

Đại diện theo pháp luật[161]: ..... chức vụ:.....

Biện pháp cưỡng chế:[162]

.....

Kết quả cưỡng chế như sau:

.....

Việc cưỡng chế kết thúc vào lúc.... giờ..... ngày..... tháng..... năm.....

Quá trình cưỡng chế ông (bà)/tổ chức..... đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

Biên bản được lập thành..... bản, mỗi bản gồm..... trang không tách rời; có nội dung và có giá trị như nhau. Đã giao cho.....

.....

Sau khi đọc biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản và cùng ký vào biên bản.

---

[160] *Ghi rõ tên tổ chức (địa chỉ) hoặc cá nhân bị cưỡng chế (địa chỉ, nghề nghiệp, ngày, tháng, năm sinh, số chứng minh thư, hộ chiếu ngày, tháng, năm cấp, nơi cấp).*

[161] *Ghi họ tên, chức vụ của người đại diện theo pháp luật đối với tổ chức vi phạm.*

[162] *Ghi rõ biện pháp cưỡng chế quy định tại Điều 3 của Thông tư.*

Ý kiến bổ sung khác (nếu có)[163]: .....

.....

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN PHỐI HỢP *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN CƯỠNG CHẾ** *(Ký, ghi rõ họ tên)*
CÁ NHÂN HOẶC ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC BỊ CƯỠNG CHẾ *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**NGƯỜI CHỨNG KIẾN** *(Ký, ghi rõ họ tên)*

Lý do cá nhân hoặc đại diện tổ chức bị cưỡng chế không ký biên bản[164]:

.....

Lý do người chứng kiến không ký biên bản[165]: .....

.....

---

[163] *Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.*

[164] *Người lập biên bản phải ghi rõ lý do những người này từ chối không ký tên vào biên bản.*

[165] *Người lập biên bản phải ghi rõ lý do những người này từ chối không ký tên vào biên bản.*

MBB09

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN[166] **TÊN CƠ QUAN LẬP** **BIÊN BẢN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../BB-KB	*A[167]....., ngày... tháng... năm.....*

BIÊN BẢN
KÊ BIÊN TÀI SẢN

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm .....
Tại[168] .....
Chúng tôi gồm:
1. ..... Chức vụ:..... Đơn vị: .....
2. ..... Chức vụ:..... Đơn vị: .....
3. ..... Chức vụ:..... Đơn vị: .....
4. ..... Chức vụ:..... Đơn vị: .....
Với sự chứng kiến của:
1. Ông (Bà): .....
Năm sinh:..... Quốc tịch:.....
Địa chỉ:.....
Nghề nghiệp:.....
CMND/Hộ chiếu số:..... ngày cấp:..... nơi cấp: .....
2. Ông (Bà): .....
Năm sinh:..... Quốc tịch:.....
Địa chỉ:.....
Nghề nghiệp:.....
CMND/Hộ chiếu số:..... ngày cấp:..... nơi cấp: .....
Đã tiến hành kê biên tài sản theo quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính số..... ngày..... tháng..... năm..... của .....
Đối với Ông (Bà)/tổ chức[169]: .....

---

[166] *Nếu biên bản do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp lập thì chỉ cần ghi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương...; huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh...; xã, phường, thị trấn... mà không cần ghi cơ quan chủ quản.*

[167] *Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.*

[168] *Ghi địa điểm tiến hành kê biên tài sản.*

[169] *Ghi tên và các thông tin liên quan đến tổ chức, cá nhân bị kê biên tài sản như: địa chỉ, nghề nghiệp, quốc tịch, số chứng minh thư hoặc hộ chiếu...*

Năm sinh:..... Quốc tịch:.....
Địa chỉ:.....
Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động):.....
CMND/Hộ chiếu/ĐKKD/QĐ thành lập số:.....
do:..... cấp ngày:.....
Đại diện theo pháp luật[170]:..... chức vụ: .....
Tài sản kê biên gồm có[171]:
.....
.....
.....
Việc kê biên tài sản kết thúc vào lúc..... giờ..... ngày..... tháng..... năm .....
Quá trình kê biên tài sản của ông (bà)/tổ chức..... đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

Biên bản được lập thành 02 bản; mỗi bản gồm..... trang; có nội dung và có giá trị như nhau. Đã giao cho..... 01 bản.

Sau khi đọc biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản và cùng ký vào biên bản.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có)[172]: .....
.....
.....

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN (*Ký, ghi rõ họ tên)*	**NGƯỜI TỔ CHỨC THỰC HIỆN CƯỠNG CHẾ** (*Ký, ghi rõ họ tên)*
CÁ NHÂN HOẶC ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC BỊ CƯỠNG CHẾ (*Ký, ghi rõ họ tên)*	**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN PHỐI HỢP CƯỠNG CHẾ** (*Ký, ghi rõ họ tên)*
NGƯỜI CHỨNG KIẾN (*Ký, ghi rõ họ tên)*	**ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG** (*Ký, ghi rõ họ tên)*

---

[170] *Ghi họ tên, chức vụ của người đại diện theo pháp luật đối với tổ chức vi phạm.*

[171] *Ghi tài sản bị kê biên, trong đó nêu rõ: mô tả tên gọi, tình trạng, đặc điểm của từng tài sản bị kê biên.*

[172] *Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.*

Lý do cá nhân hoặc đại diện tổ chức bị cưỡng chế không ký biên bản[173]:

.....

Lý do người chứng kiến không ký biên bản[174]:

.....

[173] *Người lập biên bản phải ghi rõ lý do những người này từ chối không ký tên vào biên bản.*

[174] *Người lập biên bản phải ghi rõ lý do những người này từ chối không ký tên vào biên bản.*

MBB10

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN[175] **TÊN CƠ QUAN LẬP BIÊN BẢN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../BB-GBQTSKB	*A[176]..... , ngày... tháng... năm.....*

BIÊN BẢN

GIAO BẢO QUẢN TÀI SẢN KÊ BIÊN

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm .....

Tại[177] .....

Chúng tôi gồm:

Đại diện bên giao:

1. ..... Chức vụ:..... Đơn vị: .....

2. ..... Chức vụ:..... Đơn vị: .....

Với sự chứng kiến của:

1. Ông (Bà): .....

Năm sinh:..... Quốc tịch:.....

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

CMND/Hộ chiếu số:..... ngày cấp:..... nơi cấp: .....

2. Ông (Bà): .....

Năm sinh:..... Quốc tịch:.....

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

CMND/Hộ chiếu số:..... ngày cấp:..... nơi cấp: .....

Đã tiến hành giao bảo quản tài sản kê biên theo quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số..... ngày..... tháng..... năm..... của .... cho

---

[175] *Nếu biên bản do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp lập thì chỉ cần ghi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương...; huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh...; xã, phường, thị trấn... mà không cần ghi cơ quan chủ quản.*

[176] *Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.*

[177] *Ghi địa điểm tiến hành giao bảo quản tài sản kê biên.*

Đại diện bên nhận:

Ông (bà)/tổ chức: .....

Năm sinh:..... Quốc tịch:.....

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động):.....

CMND/Hộ chiếu/ĐKKD/QĐ thành lập số:.....

do..... cấp ngày:.....

Đại diện theo pháp luật[178]:..... chức vụ: .....

Tài sản kê biên giao bảo quản gồm có[179]:

.....

.....

.....

Việc giao bảo quản tài sản kê biên kết thúc vào hồi... giờ... ngày... tháng... năm ....

Biên bản được lập thành..... bản; mỗi bản gồm..... trang; có nội dung và có giá trị như nhau. Đã giao cho ..... 01 bản.

Sau khi đọc biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản và cùng ký vào biên bản.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có)[180]: .....

.....

.....

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**ĐẠI DIỆN BÊN GIAO** *(Ký, ghi rõ họ tên)*
CÁ NHÂN HOẶC ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC BỊ CƯỠNG CHẾ *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**NGƯỜI CHỨNG KIẾN** *(Ký, ghi rõ họ tên)*

---

[178] *Ghi họ tên, chức vụ của người đại diện theo pháp luật đối với tổ chức vi phạm.*

[179] *Ghi tên gọi, số lượng, trình trạng (chất lượng) tài sản kê biên; Đối với phương tiện thì phải ghi rõ biển kiểm soát, số đăng ký. Nếu nhiều thì lập danh mục kèm theo và danh mục phải có đầy đủ chữ ký của những người có tên trong biên bản.*

[180] *Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.*

Lý do cá nhân hoặc đại diện tổ chức bị cưỡng chế không ký biên bản[181]:

.....

Lý do người chứng kiến không ký biên bản[182]:

.....

[181] *Người lập biên bản phải ghi rõ lý do những người này từ chối không ký tên vào biên bản.*

[182] *Người lập biên bản phải ghi rõ lý do những người này từ chối không ký tên vào biên bản.*

MBB11

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN[183] **TÊN CƠ QUAN LẬP BIÊN BẢN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../BB-CGTSKBBĐG	*A*[184] *....., ngày..... tháng..... năm.....*

BIÊN BẢN

CHUYỂN GIAO TÀI SẢN KÊ BIÊN ĐỂ BÁN ĐẤU GIÁ

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm .....

Tại[185] .....

Chúng tôi gồm:

Đại diện bên giao:

1. ..... Chức vụ:..... Đơn vị: .....

2. ..... Chức vụ:..... Đơn vị: .....

Với sự chứng kiến của:

1. Ông (Bà): .....

Năm sinh:..... Quốc tịch:.....

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

CMND/Hộ chiếu số:..... ngày cấp:..... nơi cấp: .....

2. Ông (Bà): .....

Năm sinh:..... Quốc tịch:.....

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

CMND/Hộ chiếu số:..... ngày cấp:..... nơi cấp: .....

Đã tiến hành chuyển giao tài sản kê biên để bán đấu giá theo Quyết định kê biên tài sản số..... ngày..... tháng..... năm..... của..... cho

---

[183] *Nếu biên bản do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp lập thì chỉ cần ghi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương...; huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh...; xã, phường, thị trấn... mà không cần ghi cơ quan chủ quản.*

[184] *Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.*

[185] *Ghi địa điểm tiến hành chuyển giao tài sản kê biên.*

Đại diện bên nhận:

Ông (bà)/tổ chức: .....

Năm sinh:..... Quốc tịch:.....

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động):.....

CMND/Hộ chiếu/ĐKKD/QĐ thành lập số:.....

do:..... cấp ngày:.....

Đại diện theo pháp luật[186]:..... chức vụ:.....

Tài sản kê biên chuyển giao gồm có[187]:

.....

.....

.....

Hồ sơ gồm có[188]:

.....

.....

.....

.....

Việc chuyển giao tài sản kê biên kết thúc vào hồi... giờ... ngày... tháng... năm...

Biên bản được lập thành..... bản; mỗi bản gồm..... trang; có nội dung và có giá trị như nhau. Đã giao cho..... 01 bản.

Sau khi đọc biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản và cùng ký vào biên bản.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có)[189]: .....

.....

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN	**ĐẠI DIỆN BÊN GIAO**
(*Ký, ghi rõ họ tên)*	(*Ký, ghi rõ họ tên)*

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

(*Ký, ghi rõ họ tên)*

---

[186] *Ghi họ tên, chức vụ của người đại diện theo pháp luật đối với tổ chức vi phạm.*

[187] *Ghi tên gọi, số lượng, trình trạng (chất lượng) tài sản kê biên; Đối với phương tiện thì phải ghi rõ biển kiểm soát, số đăng ký. Nếu nhiều thì lập danh mục kèm theo và danh mục phải có đầy đủ chữ ký của những người có tên trong biên bản.*

[188] *Ghi cụ thể hồ sơ bàn giao (tên bút lục, số trang, tình trạng...).*

[189] *Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.*

PHẦN II. CÁC VĂN BẢN KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1634/CT-TTg	*Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2010*

CHỈ THỊ
Tăng cường chỉ đạo thực hiện một số nhiệm vụ cấp bách, trọng tâm trong công tác phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

Từ khi Luật Phòng cháy và chữa cháy có hiệu lực thi hành (ngày 04 tháng 10 năm 2001), dưới sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, sự chỉ đạo quyết liệt của chính quyền các cấp, sự cố gắng thực hiện của các Bộ, ngành địa phương, trong đó nòng cốt là lực lượng Công an, công tác phòng cháy và chữa cháy đã đạt được những kết quả quan trọng, việc phòng cháy ở nhiều nơi đã đi vào nền nếp, khi các vụ cháy xảy ra đã được chữa cháy tích cực, kịp thời nên đã giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản; phong trào toàn dân tham gia phòng cháy, chữa cháy ngày càng phát triển sâu rộng; hiệu lực quản lý nhà nước về phòng cháy và chữa cháy được tăng cường..., những kết quả đó đã từng bước kiềm chế sự gia tăng về số vụ cháy và thiệt hại do cháy gây ra trong thời gian qua, góp phần đảm bảo an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội phục vụ sự phát triển bền vững nền kinh tế - xã hội của đất nước.

Tuy nhiên, trong những năm gần đây, tình hình cháy diễn biến phức tạp và có chiều hướng gia tăng cả về số vụ và thiệt hại do cháy gây ra. Từ năm 2005 đến nay, đã xảy ra 11.261 vụ cháy, làm chết 275 người, bị thương 860 người, thiệt hại về tài sản 2.270 tỷ đồng, trung bình mỗi năm xảy ra 2.252 vụ cháy, làm chết 55 người, bị thương 172 người, gây thiệt hại về tài sản trị giá khoảng gần 500 tỷ đồng và hàng nghìn hecta rừng bị cháy, ngoài ra còn gây thiệt hại do việc ngừng sản xuất kinh doanh, đã tác động xấu đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và trật tự an toàn xã hội, ảnh hưởng tới môi trường đầu tư. Nguyên nhân chính của tình hình trên là do nhận thức của một số cấp ủy Đảng chưa thật sự quan tâm đến công tác phòng cháy, chữa cháy; sự chỉ đạo của một số cấp chính quyền, lãnh đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cơ sở còn thiếu chủ động và thực hiện chưa đầy đủ trách nhiệm của mình trong công

tác phòng cháy và chữa cháy; việc quy hoạch đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế và khu dân cư, cũng như khi lập dự án thiết kế xây dựng các công trình nhà cao tầng, chợ, trung tâm thương mại, cơ sở sản xuất, dịch vụ, vui chơi giải trí tập trung đông người... chưa chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy, chưa thực hiện đầy đủ và duy trì các điều kiện an toàn về phòng cháy, chữa cháy, nhất là trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và tổ chức lực lượng phòng cháy, chữa cháy cơ sở và dân phòng ở nhiều nơi còn thiếu, yếu và bất cập; ý thức trách nhiệm và kiến thức phòng cháy, chữa cháy của người dân chưa cao. Bên cạnh đó, việc đầu tư cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy nói chung, cho lực lượng phòng cháy, chữa cháy nói riêng, nhất là cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới; công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật, kiểm tra, giám sát về phòng cháy, chữa cháy chưa được thường xuyên và quan tâm đúng mức; công tác quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy và tổ chức thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy của một số Bộ, ngành, địa phương chưa đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế. Đồng thời Luật Phòng cháy và chữa cháy sau gần 10 năm thực hiện về cơ bản phù hợp yêu cầu thực tế, song đã bộc lộ một số nội dung bất cập cần bổ sung hoặc sửa đổi cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Để khắc phục những yếu kém và bất cập nêu trên, nhằm thực hiện tốt công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ, Ban, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai thực hiện một số công việc trọng tâm, cấp bách sau đây:

1. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương và các cơ quan liên quan chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng, báo chí tăng thời lượng đưa tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kiến thức, pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tới các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan đơn vị hành chính, sự nghiệp, các cơ sở kinh tế, quốc phòng và toàn thể nhân dân, cán bộ, công nhân viên chức và người lao động để họ tự nguyện thực hiện các quy định về phòng cháy, chữa cháy. Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam và các Đài phát thanh, truyền hình địa phương cần xây dựng kế hoạch thành chuyên mục riêng để thường xuyên tuyên truyền về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

Ủy ban nhân dân các cấp phải tăng cường phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và các đoàn thể quần chúng ở địa

phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực thực hiện phong trào "Toàn dân tham gia phòng cháy, chữa cháy".

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và người đứng đầu các Bộ, ngành, các cấp ủy Đảng, các đoàn thể, đơn vị, cơ sở và lực lượng chuyên trách trực tiếp trong việc thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy xác định công tác phòng cháy, chữa cháy là nhiệm vụ chính trị thường xuyên của mình, đề cao trách nhiệm thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy thuộc đơn vị, địa phương mình quản lý, nắm vững kiến thức pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; thường xuyên tổ chức thực hiện nghiêm và duy trì các điều kiện an toàn phòng cháy, chữa cháy; chỉ đạo việc tự kiểm tra và khắc phục ngay các sơ hở, thiếu sót, vi phạm về phòng cháy, chữa cháy; đặc biệt chú trọng việc trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và tổ chức lực lượng tại chỗ; tiến hành rà soát, củng cố, xây dựng mới và duy trì hoạt động của lực lượng phòng cháy, chữa cháy cơ sở và dân phòng. Quan tâm việc xây dựng và nhân điển hình tiên tiến trong phong trào toàn dân tham gia công tác phòng cháy, chữa cháy, kịp thời động viên, khen thưởng những tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác phòng cháy, chữa cháy.

3. Thủ trưởng các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo tăng cường kiểm tra việc thực hiện các quy định về phòng cháy, chữa cháy tại các Bộ, ngành, địa phương, đơn vị, cơ sở, nhất là công tác phòng cháy, chữa cháy tại các nhà chung cư cao tầng, khu đô thị, chợ, trung tâm thương mại, khu công nghiệp, khu chế xuất, cơ sở dịch vụ, khu dân cư, các khu rừng dễ cháy, các kho tàng, cơ sở sản xuất và các công trình trọng điểm khác có nhiều nguy cơ cháy, nổ. Phát hiện và khắc phục ngay các sai phạm, sơ hở thiếu sót có thể gây cháy lan, cháy lớn. Đối với nhà cao tầng, nơi tập trung đông người cần kiểm tra kỹ và thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn về thoát nạn cho người và chống cháy lan, cháy lớn.

Người đứng đầu các cấp, ngành, đơn vị, cơ sở phải chịu trách nhiệm về việc để xảy ra cháy, nổ trong phạm vi phụ trách. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các Bộ, ngành, đoàn thể chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ nếu để xảy ra cháy, nổ lớn gây thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản tại đơn vị, địa phương.

Hàng năm các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy (qua Bộ Công an).

4. Bộ Công an chủ trì và phối hợp với các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tăng cường chỉ đạo điều tra, xử lý các hành vi vi

phạm pháp luật về phòng cháy và chữa cháy. Đối với những trường hợp vi phạm nghiêm trọng có dấu hiệu tội phạm và những vụ cháy gây thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản do thiếu tinh thần trách nhiệm cần phải khởi tố, điều tra và xử lý nghiêm minh theo pháp luật; nghiên cứu, tổng kết và nhân rộng mô hình cụm dân cư và cụm đơn vị, doanh nghiệp an toàn phòng cháy, chữa cháy và đề xuất Chính phủ thành lập tổ chức những người tình nguyện tham gia công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ nhằm tiến tới xã hội hóa công tác phòng cháy, chữa cháy. Xây dựng kế hoạch tổng kết 10 năm thực hiện Luật Phòng cháy và chữa cháy và tổ chức kỷ niệm 50 năm ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ký lệnh công bố ban hành Pháp lệnh "Quy định việc quản lý của Nhà nước đối với công tác phòng cháy, chữa cháy" vào dịp "Ngày toàn dân phòng cháy và chữa cháy", 04 tháng 10 năm 2011 đúng với Chỉ thị số 45-CT/TW ngày 27 tháng 7 năm 2010 của Bộ Chính trị về đổi mới tổ chức kỷ niệm; hướng dẫn các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ quan, đơn vị, cơ sở thực hiện. Ngay trong năm 2010 các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp có kế hoạch tăng cường thực hiện Luật Phòng cháy và chữa cháy, trong đó chỉ đạo và tổ chức thực hiện dứt điểm những nhiệm vụ trọng tâm về phòng cháy, chữa cháy của địa phương, ngành đã đề ra.

5. Tăng cường đầu tư cho công tác phòng cháy, chữa cháy, trong đó tập trung vào một số nhiệm vụ sau:

Bộ Công an sớm hoàn thành và trình Chính phủ phê duyệt để triển khai thực hiện Đề án Quy hoạch tổng thể hệ thống cơ sở phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, các Dự án đầu tư nâng cao năng lực cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. Mục tiêu đầu tư trong thời gian tới là nhằm nâng cao năng lực cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, xây dựng lực lượng này thực sự là lực lượng tinh nhuệ, chính quy và từng bước hiện đại đáp ứng yêu cầu công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trong tình hình mới, góp phần bảo vệ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính có kế hoạch bố trí kinh phí để thực hiện Đề án Quy hoạch tổng thể hệ thống cơ sở phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trước mắt cần bố trí hợp lý kinh phí để thực hiện các Dự án đầu tư nâng cao năng lực cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ để đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Các Bộ, ngành, địa phương xây dựng và triển khai Đề án quy hoạch tổng thể hệ thống cơ sở về phòng cháy, chữa cháy của Bộ, ngành, địa phương mình. Trong Đề

án cần chú ý đến việc quy hoạch đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và khu kinh tế phải đảm bảo các điều kiện về phòng cháy, chữa cháy; đẩy mạnh phát triển toàn dân phòng cháy chữa cháy, tổng kết, nhân rộng phong trào xã, phường, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp an toàn không để xảy ra cháy, nổ; thực hiện có hiệu quả phương châm 4 tại chỗ: lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ, hậu cần tại chỗ và chỉ huy tại chỗ, chú ý giải quyết nguồn nước chữa cháy đô thị; quy hoạch phát triển hệ thống đội Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ, bố trí đất và ngân sách để xây dựng các đơn vị Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tới các quận, huyện trọng điểm thuộc các khu vực và vùng kinh tế trọng điểm; tăng cường đầu tư trang bị phương tiện cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đủ sức hoàn thành nhiệm vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ ở địa phương.

6. Giao Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện nghiêm túc có hiệu quả Chỉ thị này, hàng năm có báo cáo kết quả lên Thủ tướng Chính phủ./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1636/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2010*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt "Quy hoạch mạng lưới quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường quốc gia đến năm 2020"

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Năng lượng nguyên tử ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 07/2010/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2010 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử;

Căn cứ Quyết định số 01/2006/QĐ-TTg ngày 03 tháng 01 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chiến lược ứng dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình đến năm 2020";

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt "Quy hoạch mạng lưới quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường quốc gia đến năm 2020" (sau đây gọi tắt là Quy hoạch) và quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ chế phối hợp của mạng lưới quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường quốc gia trong hệ thống quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu quy hoạch

Xây dựng mạng lưới quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường quốc gia bảo đảm kịp thời phát hiện diễn biến bất thường về bức xạ trên lãnh thổ Việt Nam và hỗ trợ việc chủ động ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân; cung cấp cơ sở dữ liệu về phóng xạ môi trường phục vụ công tác quản lý nhà nước về năng lượng nguyên tử và an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân.

2. Mạng lưới quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường quốc gia (sau đây gọi tắt là mạng lưới)

a) Trung tâm điều hành quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường đặt tại Bộ Khoa học và Công nghệ (trung tâm điều hành).

Trung tâm điều hành thực hiện việc kết nối thu thập dữ liệu trực tuyến từ các trạm, các điểm quan trắc trong mạng lưới; xử lý kết quả quan trắc, xây dựng cơ sở dữ liệu phóng xạ môi trường quốc gia; hỗ trợ kỹ thuật cho việc phân tích, đánh giá diễn biến và điều hành ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân.

b) Trạm quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường cấp vùng (trạm vùng)

Xây dựng 4 trạm vùng tại thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và Đà Lạt. Trạm vùng có nhiệm vụ thu nhận dữ liệu quan trắc trực tuyến từ các trạm quan trắc địa phương; quan trắc, thu thập, xử lý và phân tích các chỉ tiêu phóng xạ trong mẫu môi trường; phân tích và tổng hợp số liệu quan trắc; trực tiếp tham gia đánh giá hiện trường trong kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân cấp tỉnh và cấp cơ sở.

c) Trạm quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường cấp tỉnh (trạm địa phương)

Trạm địa phương được xây dựng tại một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi không có trạm vùng và có khả năng chịu ảnh hưởng lớn của các sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân. Trạm địa phương làm nhiệm vụ quan trắc liên tục tại các điểm và các cơ sở hạt nhân trên địa bàn, kết nối trực tuyến với các trạm vùng.

d) Hệ thống quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường thuộc Bộ Quốc phòng (hệ thống trinh sát phóng xạ quân đội)

Hệ thống trinh sát phóng xạ quân đội thực hiện quan trắc và cảnh báo phóng xạ theo quy định của Bộ Quốc phòng. Trạm trinh sát phóng xạ thực hiện vai trò chỉ đạo kỹ thuật hệ thống trinh sát, cảnh báo phóng xạ trong quân đội, phục vụ công tác phòng chống vũ khí hạt nhân và ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân.

Danh sách các trạm quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường được quy hoạch để ưu tiên đầu tư xây dựng theo hai giai đoạn: 2010 - 2015, 2016 - 2020 được quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

3. Chức năng, nhiệm vụ của mạng lưới quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường quốc gia và cơ chế phối hợp với hệ thống quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia

a) Chức năng, nhiệm vụ

Thực hiện quan trắc và cảnh báo thường xuyên phóng xạ môi trường trên lãnh thổ và các vùng biển thuộc quyền tài phán của Việt Nam do các hoạt động trong

lĩnh vực năng lượng nguyên tử gây ra; đánh giá hiện trạng phóng xạ môi trường, liều chiếu xạ đối với cộng đồng dân cư; thiết lập hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu phóng xạ môi trường quốc gia; cung cấp kịp thời các thông tin về tình trạng phóng xạ môi trường và hỗ trợ cho việc triển khai kế hoạch ứng phó khẩn cấp sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân.

b) Cơ chế phối hợp với hệ thống quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia

Trung tâm điều hành định kỳ 6 tháng một lần hoặc đột xuất theo yêu cầu cung cấp dữ liệu về tình trạng phóng xạ môi trường cho hệ thống quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia.

Hệ thống quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia có trách nhiệm cung cấp các dữ liệu về tài nguyên và môi trường cần thiết theo yêu cầu của trung tâm điều hành để thực hiện quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường.

4. Lộ trình

a) Giai đoạn 2010 - 2015

- Xây dựng và đưa vào hoạt động trung tâm điều hành, kiện toàn đồng bộ 4 trạm vùng và 6 trạm địa phương; thành lập các nhóm quan trắc phóng xạ môi trường lưu động tại các trạm vùng; từng bước tăng cường năng lực kỹ thuật hỗ trợ công tác ứng phó khẩn cấp; đầu tư xây dựng trạm địa phương tại địa điểm quy hoạch xây dựng nhà máy điện hạt nhân;

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quan trắc và phân tích phóng xạ môi trường;

- Hoàn thiện quy chế tổ chức và hoạt động của mạng lưới; xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật và chỉ tiêu quan trắc, phân tích phóng xạ môi trường;

- Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về phóng xạ môi trường.

b) Giai đoạn 2016 - 2020

- Xây dựng và đưa vào hoạt động các trạm địa phương còn lại quy định tại Phụ lục của Quyết định này;

- Tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực quan trắc, phân tích phóng xạ môi trường của mạng lưới bảo đảm tính hợp lý, thống nhất, đồng bộ, hiện đại;

- Tập trung đầu tư tăng cường năng lực kỹ thuật của mạng lưới để hỗ trợ hoạt động ứng phó sự cố nhà máy điện hạt nhân;

- Tiếp tục hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về phóng xạ môi trường.

5. Giải pháp thực hiện

a) Về tài chính

- Vốn để thực hiện Quy hoạch được xác định trên cơ sở tổng hợp kinh phí của từng dự án, nhiệm vụ cụ thể được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành của pháp luật. Nhà nước dành một phần kinh phí sự nghiệp môi trường, sự nghiệp khoa học và công nghệ và kinh phí đầu tư phát triển để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của mạng lưới;

- Kinh phí hoạt động của mạng lưới và kinh phí xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về phóng xạ môi trường được bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường, sự nghiệp khoa học và công nghệ;

- Ngoài nguồn vốn ngân sách nhà nước, cần huy động thêm các nguồn vốn từ xã hội, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện đầu tư có hiệu quả cho việc phát triển mạng lưới.

b) Về cơ chế, chính sách và tổ chức

- Xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật và chỉ tiêu quan trắc phóng xạ môi trường;

- Kiện toàn tổ chức bộ máy, biên chế; hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quy chế hoạt động của mạng lưới; quy chế phối hợp hoạt động, cung cấp thông tin, dữ liệu đối với hệ thống quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia.

c) Về nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực

- Đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ tiên tiến, nhất là công nghệ quan trắc, truyền tin, xử lý, quản lý, phân tích, đánh giá và cung cấp thông tin, số liệu theo dõi phóng xạ môi trường; nghiên cứu chế tạo các thiết bị quan trắc phóng xạ tự động phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế và xã hội của Việt Nam;

- Tăng cường đào tạo và đào tạo lại để nâng cao nghiệp vụ, tay nghề cho đội ngũ cán bộ, kỹ thuật viên và quan trắc viên. Chú trọng nâng cao năng lực thực hành của quan trắc viên, cán bộ phân tích đáp ứng yêu cầu vận hành của mạng lưới.

d) Về hợp tác quốc tế

- Mở rộng và tăng cường hợp tác với Cơ quan Năng lượng nguyên tử quốc tế (IAEA) và các nước nhằm tranh thủ sự giúp đỡ của quốc tế về kinh nghiệm, khoa học công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực, thông tin, thu hút đầu tư để phát triển mạng lưới;

- Xây dựng và hoàn thiện cơ sở pháp lý cho việc chia sẻ và khai thác thông tin, dữ liệu quan trắc phóng xạ với các nước, các tổ chức quốc tế nhằm kịp thời cảnh báo, phòng ngừa và giảm thiểu tác động của nguy cơ lan truyền ô nhiễm phóng xạ qua biên giới.

6. Tổ chức thực hiện

a) Bộ Khoa học và Công nghệ:

- Quy định cơ cấu tổ chức, hoạt động của mạng lưới, các trạm địa phương thuộc trạm vùng;

- Quyết định vị trí cụ thể xây dựng trạm vùng, trạm địa phương và các điểm quan trắc thuộc phạm vi quản lý của từng trạm;

- Chủ trì xây dựng kế hoạch hàng năm, 5 năm để thực hiện nội dung của Quy hoạch; tổ chức thực hiện việc xây dựng và vận hành mạng lưới;

- Chủ trì xây dựng, trình ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật và chỉ tiêu quan trắc phóng xạ môi trường;

- Chủ trì xây dựng quy chế phối hợp của mạng lưới với hệ thống quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia;

- Cung cấp kịp thời thông tin cho các Bộ, ngành, địa phương và các cấp quản lý có thẩm quyền trong tình huống có diễn biến phóng xạ bất thường phục vụ việc sẵn sàng ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân;

- Định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm việc thực hiện các nội dung của Quy hoạch này;

- Định kỳ hàng năm tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình hoạt động của mạng lưới và kết quả quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường.

b) Bộ Tài nguyên và Môi trường:

- Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng các cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật và chỉ tiêu quan trắc phóng xạ môi trường; xây dựng quy chế phối hợp của mạng lưới với hệ thống quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia;

- Chỉ đạo Trung tâm Dự báo khí tượng quốc gia phối hợp, cung cấp thông tin trực tuyến cho trung tâm điều hành để xử lý dữ liệu quan trắc phóng xạ môi trường và tính toán lan truyền ô nhiễm phóng xạ trong tình huống sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân.

c) Bộ Quốc phòng:

Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng, kiện toàn và đưa vào vận hành hệ thống trinh sát phóng xạ quân đội; xây dựng cơ chế phối hợp của hệ thống trinh sát phóng xạ quân đội với mạng lưới.

d) Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính:

Căn cứ vào các nội dung của Quy hoạch đã được phê duyệt, trên cơ sở đề xuất của Bộ Khoa học và Công nghệ và các Bộ, ngành, địa phương có liên quan, cân đối, bố trí vốn để thực hiện Quy hoạch đúng tiến độ.

đ) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các Bộ ngành khác có liên quan:

- Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng, đưa vào vận hành các trạm địa phương theo Quy hoạch;

- Bảo đảm điều kiện cần thiết cho hoạt động quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường tại địa phương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện các nội dung của quy hoạch này.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Nguyễn Thiện Nhân

Phụ lục

DANH SÁCH TRẠM VÙNG VÀ TRẠM ĐỊA PHƯƠNG QUY HOẠCH ĐẾN 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1636/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Trạm quan trắc	Hiện có	Giai đoạn xây dựng		Loại trạm
			2010 - 2015	2016 - 2020	
1	TP. Hà Nội	X	X*		Trạm vùng miền Bắc
2	TP. Hồ Chí Minh		X		Trạm vùng miền Nam
3	Đà Nẵng		X		Trạm vùng miền Trung
4	Lâm Đồng	X	X*		Trạm vùng Tây Nguyên và Nam Trung Bộ
5	Quảng Ninh		X		Trạm địa phương
6	Hải Phòng			X	-nt-
7	Lạng Sơn		X		-nt-
8	Lào Cai		X		-nt-
9	Sơn La			X	-nt-
10	Cao Bằng			X	-nt-
11	Thái Nguyên			X	-nt-
12	Nam Định			X	-nt-
13	Nghệ An			X	-nt-
14	Thừa Thiên Huế			X	-nt-
15	Phú Yên		X		-nt-
16	Bà Rịa - Vũng Tàu			X	-nt-
17	Bình Thuận		X		-nt-
18	Ninh Thuận		X		-nt-
19	Cần Thơ			X	-nt-
20	Kiên Giang			X	-nt-
	Trạm vùng	**2**	**4**		
	Trạm địa phương		**6**	**10**	

* *Ghi chú:* Trạm vùng miền Bắc và Trạm vùng Tây Nguyên và Nam Trung Bộ được xây dựng nâng cấp từ hai trạm hiện có.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1645/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 01 tháng 9 năm 2010*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận thành phố Thái Nguyên là đô thị loại I trực thuộc tỉnh Thái Nguyên

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Tổ chức hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Chính phủ về việc phân loại đô thị;

Xét đề nghị của Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận thành phố Thái Nguyên là đô thị loại I trực thuộc tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Bộ trưởng các Bộ: Xây dựng, Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

BỘ NGOẠI GIAO

BỘ NGOẠI GIAO

Số: 47/2010/SL-LPQT

Bản ghi nhận ý định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, ký tại Hà Nội ngày 28 tháng 7 năm 2010./.

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2010

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG
VỤ LUẬT PHÁP VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ
PHÓ VỤ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Minh Nguyệt

BẢN GHI NHẬN Ý ĐỊNH
GIỮA
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ
CHÍNH PHỦ HỢP CHỦNG QUỐC HOA KỲ

BẢN GHI NHẬN Ý ĐỊNH này được lập bởi và giữa các bên sau đây:

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đại diện bởi ông Hoàng Thế Liên, Thứ trưởng Thường trực Bộ Tư Pháp, và Chính phủ Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, đại diện bởi ông Francis A. Donovan, Giám đốc Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) Việt Nam, sau đây gọi là hai bên.

Từ năm 2001, Hoa Kỳ đã cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho Việt Nam trong các lĩnh vực như y tế (HIV/AIDS, cúm gia cầm và cúm ở người), giáo dục, quản trị nhà nước, môi trường, chăm sóc người khuyết tật và nạn nhân bị buôn bán qua biên giới, và hỗ trợ các nhóm dân tộc thiểu số, trong đó đặc biệt ghi nhận là trợ giúp phát triển kinh tế thông qua Dự án Hỗ trợ Thúc đẩy Thương mại (STAR) của USAID. Thông qua sự hợp tác giữa hai Chính phủ trong các chương trình kể trên, Việt Nam và Hoa Kỳ đã đạt được nhiều thành tựu với những kết quả tích cực.

Trên cơ sở thừa nhận các kết quả đạt được, cũng như tính đến những cơ hội và thách thức ngày càng lớn hơn trong thời gian tới, hai bên dự định xây dựng một dự án mới sau khi kết thúc dự án STAR cho giai đoạn từ tháng 10 năm 2010 đến hết tháng 9 năm 2013 nhằm đạt được những mục tiêu sau:

o Hỗ trợ Chính phủ Việt Nam thi hành các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành nhằm thực hiện các cam kết quốc tế của Việt Nam trong WTO, các hiệp định thương mại và đầu tư mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia;

o Đào tạo cán bộ, bao gồm cán bộ pháp luật, tăng cường các thiết chế và nâng cao năng lực của các cơ quan Chính phủ Việt Nam nhằm thực hiện các cam kết quốc tế của Việt Nam trong WTO, các hiệp định thương mại và đầu tư mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia;

o Hỗ trợ Việt Nam tiếp tục hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu, bao gồm việc chuẩn bị các điều kiện pháp lý cần thiết để tham gia các điều ước quốc tế đa phương.

Chính phủ Việt Nam sẽ chỉ định cơ quan chủ quản để thực hiện dự án với sự tham gia của các cơ quan của Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư Pháp và các bộ, ngành liên quan. Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Hoa Kỳ sẽ sử dụng các nguồn lực của dự án một cách hữu hiệu nhất và có hiệu quả kinh tế nhất.

Không một điều khoản nào trong Bản Ghi nhận Ý định này cấu thành nghĩa vụ tài chính của USAID, và Bản Ghi nhận Ý định này được ký làm hai bản tiếng Việt và tiếng Anh.

Bằng việc ký tên dưới đây, các bên nay thực hiện BẢN GHI NHẬN Ý ĐỊNH này.

Được ký ngày 28 tháng 7 năm 2010 tại Hà Nội, Việt Nam.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	THAY MẶT CHÍNH PHỦ HỢP CHỦNG QUỐC HOA KỲ
HOÀNG THẾ LIÊN Thứ trưởng Thường trực Bộ Tư Pháp	FRANCIS A. DONOVAN Giám đốc USAID/Vietnam
Người Chứng kiến:	Người Chứng kiến: NGÀI ĐẠI SỨ MICHAEL MICHALAK
THAY MẶT CHÍNH PHỦ VIỆT NAM	THAY MẶT CHÍNH PHỦ HOA KỲ

BỘ NGOẠI GIAO

Số: 48/2010/SL-LPQT

Bản ghi nhớ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Ca-na-đa về Dự án Phát triển lập pháp quốc gia NLD-VN032788, ký tại Hà Nội ngày 23 tháng 6 năm 2010. Có hiệu lực kể từ ngày 23/6/2010.

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2010

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG
VỤ LUẬT PHÁP VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ
PHÓ VỤ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Minh Nguyệt

BẢN GHI NHỚ
GIỮA
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ
CHÍNH PHỦ CANAĐA
VỀ DỰ ÁN PHÁT TRIỂN LẬP PHÁP QUỐC GIA
NLD-VN-032788

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sau đây được gọi là "Việt Nam") và Chính phủ CANAĐA (sau đây được gọi là "CANAĐA"), với mong muốn hợp tác triển khai thực hiện dự án hỗ trợ phát triển của Canađa tại Việt Nam, đã thống nhất các nội dung sau:

Điều I. Bản chất của bản ghi nhớ

Mục 1.01

Bản ghi nhớ này là một thỏa thuận bổ sung, được xây dựng theo Hiệp định chung về Hợp tác Phát triển giữa VIỆT NAM và CANAĐA ký ngày 21 tháng 6 năm 1994 (sau đây được gọi là "Hiệp định chung 1994"), với mục đích xác định các cam kết của VIỆT NAM và CANAĐA liên quan đến Dự án được mô tả trong Điều III. Bản ghi nhớ này không tạo thành một điều ước quốc tế.

Điều II. Cơ quan chịu trách nhiệm

Mục 2.01

CANAĐA chỉ định Cơ quan Phát triển Quốc tế Canađa (CIDA) có trách nhiệm thực hiện các cam kết trong Bản ghi nhớ này.

Mục 2.02

VIỆT NAM chỉ định Bộ Tư pháp (sau đây được gọi là "Bộ TP") là cơ quan đại diện chịu trách nhiệm quản lý và thực hiện các nghĩa vụ của mình cũng như điều phối sự tham gia của các đối tác Dự án theo Bản ghi nhớ này. Việc thực hiện các trách nhiệm cụ thể sẽ là trách nhiệm liên đới và riêng rẽ của từng đơn vị cụ thể thuộc Bộ Tư pháp và các đối tác khác tham gia dự án là Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Quốc hội, và có thể thêm hai bộ chuyên ngành có tác động phát triển kinh tế (sau đây gọi là "đối tác Dự án") sẽ được xác định trong quá trình thực hiện Dự án.

Điều III. Dự án

Mục 3.01

VIỆT NAM và CANAĐA sẽ tham gia thực hiện Dự án Phát triển lập pháp quốc gia (sau đây được gọi là "Dự án NLD", hoặc "Dự án"). Mục đích của Dự án là hỗ trợ tăng trưởng kinh tế công bằng hơn thông qua quản trị quốc gia minh bạch và có trách nhiệm giải trình hơn tại Việt Nam. Mục tiêu cụ thể của Dự án là hỗ trợ một chương trình tổng thể đổi mới quy trình lập pháp của Việt Nam và cải thiện chất lượng văn bản pháp luật liên quan đến kinh tế. Cụ thể hơn, Dự án NLD sẽ hỗ trợ Bộ Tư pháp và các đối tác của Dự án áp dụng các quy trình hoạch định và quản lý mang tính chiến lược, tăng cường sự tham gia của người dân và khu vực kinh tế tư nhân, và tăng cường tính thống nhất, gắn kết và tiêu chuẩn hóa trong quy trình lập pháp của Việt Nam.

Mục 3.02

Miêu tả tóm tắt về Dự án được trình bày trong Phụ lục "A" đính kèm Bản ghi nhớ này.

Mục 3.03

Để thực hiện Dự án, một Cơ quan Thực hiện Dự án Canađa do CIDA tuyển chọn và ký hợp đồng sẽ làm việc hợp tác với Bộ Tư pháp và các cơ quan đối tác Dự án xây dựng một Kế hoạch Thực hiện Dự án điều chỉnh các hoạt động của Dự án. Bản Kế hoạch Thực hiện Dự án sẽ được trình ra tại cuộc họp đầu tiên của Ban Chỉ đạo Dự án để Bộ Tư pháp và CIDA phê duyệt. Sau khi đã được phê duyệt đầy đủ bởi VIỆT NAM và CANAĐA, bản Kế hoạch Thực hiện Dự án sẽ được đính kèm như là Phụ lục "B" và sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn bởi, các điểm sau:

a) Mô tả Dự án chi tiết;

b) Đề cương các phương pháp và các phương thức áp dụng để thực hiện Dự án;

c) Lịch trình thực hiện các hoạt động của Dự án, bao gồm cả sơ đồ các mốc thời gian chủ chốt và Kế hoạch công việc chi tiết của năm thứ nhất;

d) Tóm tắt vai trò và trách nhiệm của các đối tác chủ chốt của Dự án;

e) Các yêu cầu về báo cáo của Dự án;

f) Tính chất, thời gian và trách nhiệm đối với công tác đánh giá dự án, và các phương pháp thực hiện công việc đánh giá;

g) Các nguồn lực cần thiết cho Dự án, bao gồm cả ngân sách chi tiết cho năm đầu tiên của Dự án và một dự án tính phân bổ ngân sách cho những năm sau.

Bản Kế hoạch Thực hiện Dự án có thể được sửa đổi theo quy định tại Mục 10.02.

Điều IV. Đóng góp của CANAĐA

Mục 4.01

Đóng góp của CANAĐA sẽ bao gồm cung cấp tài chính, hỗ trợ kỹ thuật và thiết bị thích hợp cho việc thực hiện Dự án, cũng như cho hoạt động giám sát và đánh giá Dự án. Tổng giá trị phần đóng góp của CANAĐA sẽ không vượt quá mười lăm triệu đô la Canađa.

(CDN$ 15,000,000), chủ yếu được phân bổ thông qua Cơ quan Thực hiện Dự án Canađa để thực hiện trợ giúp kỹ thuật và các dịch vụ liên quan.

Mục 4.02

Căn cứ Điều V của Hiệp định chung 1994, đóng góp của CANAĐA không được sử dụng để thanh toán bất cứ khoản thuế, lệ phí, thuế quan hoặc bất cứ khoản thu hay nghĩa vụ nào khác mà VIỆT NAM trực tiếp hoặc gián tiếp đánh giá vào bất cứ hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phương tiện đi lại và các dịch vụ được mua hoặc có được để đáp ứng, hoặc liên quan đến, việc thực hiện Dự án.

Điều V. Đóng góp của Việt Nam

Mục 5.01

VIỆT NAM sẽ chịu trách nhiệm về cung cấp lương, các phụ cấp và các chi phí điều hành cho các cán bộ của cơ quan đối tác tham gia Dự án. VIỆT NAM cũng sẽ đóng góp vào các chi phí liên quan đến việc thiết lập và điều hành Dự án như được mô tả trong Phụ lục "A" của Bản ghi nhớ này và Phụ lục "B" của Hiệp định chung 1994. Tổng giá trị đóng góp của VIỆT NAM sẽ là năm trăm năm mươi nghìn đô la Canađa (CDN$550,000).

Điều VI. Thông tin

Mục 6.01

VIỆT NAM và CANAĐA sẽ đảm bảo rằng Bản ghi nhớ này được thực hiện một cách tích cực và hiệu quả và mỗi bên sẽ cung cấp cho bên kia tất cả các thông tin liên quan đến Dự án khi được yêu cầu một cách hợp lý.

Điều VII. Liên lạc

Mục 7.01

Mọi liên lạc hoặc tài liệu do VIỆT NAM hoặc CANAĐA giao, lập hoặc gửi tiếp theo Bản ghi nhớ này sẽ được làm bằng văn bản và được coi là đã được cung cấp,

lập hoặc gửi hợp lệ cho bên nhận vào thời điểm liên lạc qua gửi tay trực tiếp, gửi bưu điện hoặc điện fax, theo các địa chỉ tương ứng, cụ thể là:

Phía VIỆT NAM: Bộ Tư pháp
58-60 Trần Phú
Hà Nội, Việt Nam
Fax; 84-4-3734 0104

Phía CANAĐA: Giám đốc
Chương trình Đông Nam Á, Phân ban châu Á
Cơ quan Phát triển Quốc tế Canađa
200 Promenade du Portage
Gatineau, Québec
Canađa K1A 0G4
Fax: 01-819 953-3350

Mục 7.02

Thông qua việc thông báo bằng văn bản cho bên kia, mỗi bên có thể thay đổi địa chỉ liên lạc để mọi thông báo hoặc yêu cầu dành cho bên kia sẽ được gửi đúng địa chỉ.

Mục 7.03

Mọi liên lạc và tài liệu gửi cho VIỆT NAM sẽ bằng tiếng Anh và tiếng Việt và mọi liên lạc và tài liệu gửi cho CANAĐA sẽ bằng hoặc tiếng Anh, tiếng Pháp hoặc tiếng Việt.

Điều VIII. Trao đổi ý kiến

Mục 8.01

VIỆT NAM và CANAĐA sẽ tham khảo ý kiến của nhau về bất cứ vấn đề nào có thể nảy sinh liên quan đến Bản ghi nhớ này.

Điều IX. Áp dụng

Mục 9.01

Những khác biệt có thể nảy sinh trong khi áp dụng các điều khoản của Bản ghi nhớ này sẽ được giải quyết thông qua đàm phán giữa VIỆT NAM và CANAĐA, hoặc bằng bất cứ hình thức nào do đại diện có thẩm quyền của Chính phủ hai nước cùng thỏa thuận.

Điều X. Các điều khoản chung

Mục 10.01

Bản ghi nhớ này cùng với các Phụ lục "A" và "B" là một phần không thể tách rời của Bản ghi nhớ sẽ tạo thành sự thỏa thuận toàn bộ giữa các bên về Dự án này.

Mục 10.02

Bản ghi nhớ này có thể được sửa đổi trên cơ sở nhất trí bằng văn bản giữa VIỆT NAM và CANAĐA.

Mục 10.03

Bản ghi nhớ này sẽ có hiệu lực kể từ ngày ký dưới đây và sẽ hết hiệu lực vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ký tại Hà Nội, ngày 23 tháng 6 năm 2010, thành hai bản, mỗi bản bằng tiếng Việt và tiếng Anh, các văn bản đều có giá trị như nhau./.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	THAY MẶT CHÍNH PHỦ CANAĐA
HOÀNG THẾ LIÊN Thứ trưởng thường trực Bộ Tư pháp	DEANNA HORTON Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Canađa tại Việt Nam Đại sứ quán Canađa

Phụ lục "A"

MÔ TẢ DỰ ÁN

1.0. Mô tả dự án

1.1. Bối cảnh về phát triển

Trong quá trình chuyển đổi từ một nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang "nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa", kể từ năm 1996, công cuộc cải cách kinh tế của Việt Nam đã góp phần không nhỏ để đạt được mức tăng trưởng GDP trung bình hàng năm là 7.5%. Cùng với sự tăng trưởng đó là sự phát triển nhanh chóng của khu vực tư nhân, các quyền về tài sản được khẳng định rõ hơn, và từ khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) tháng 01 - 2007, việc hài hòa hóa pháp luật quốc gia với các cam kết quốc tế và hoàn thiện hệ thống luật pháp để thúc đẩy cải cách kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế đã được nhấn mạnh hơn. Tất cả những yếu tố này đều đã có tác động tích cực tới toàn bộ hệ thống kinh tế - xã hội cũng như quá trình cải cách pháp luật; tuy nhiên còn rất nhiều việc phải làm để xây dựng một hệ thống quản trị quốc gia thống nhất cần thiết cho các hoạt động đầu tư và kinh doanh năng động, đặc biệt là trong môi trường kinh tế toàn cầu hiện nay. Mặc dù Việt Nam đã đạt được nhiều tiến bộ quan trọng trong quá trình cải cách pháp luật, cải cách các quy định cần thiết nhằm đưa ra các biện pháp khuyến khích phù hợp cho sự tăng trưởng và phát triển doanh nghiệp một cách bền vững, nhưng vẫn tồn tại một thách thức đáng kể về tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống pháp luật. Nhiều văn bản pháp luật do các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương ban hành trong quá trình thực hiện cải cách kinh tế đã không đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật. Nguyên nhân chủ yếu của tình trạng này là do bối cảnh phát triển hiện nay có xu hướng khuyến khích việc các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương ban hành một khối lượng lớn các văn bản pháp luật (luật, pháp lệnh, nghị định…). Các văn bản này thường được xây dựng khi chưa thực hiện đầy đủ việc nghiên cứu, phân tích và lấy ý kiến công chúng, nên dẫn đến tình trạng không thống nhất, có sự mâu thuẫn với nhau và không có hiệu lực.

Vấn đề tồn tại cơ bản và được thừa nhận rộng rãi của hệ thống pháp luật là tính không thống nhất giữa các văn bản luật và văn bản dưới luật do các cơ quan khác nhau tại các cấp khác nhau ban hành. Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam gồm 18 loại văn bản khác nhau (văn bản quy phạm pháp luật - VBQPPL, gồm văn bản luật và dưới luật), do các cơ quan có thẩm quyền ban hành, bao gồm cơ quan nhà nước ở trung ương, 22 cơ quan cấp Bộ và 63 chính quyền địa phương. Do mức độ phát triển còn thấp, văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan các cấp khác nhau

ban hành đôi khi không thống nhất, nội dung không rõ ràng hoặc thiếu chính xác, gây khó khăn thậm chí đôi khi không thể giải thích, thực hiện và thực thi pháp luật.

Chính phủ Việt Nam cũng nhận thức được rằng để duy trì mức tăng trưởng kinh tế công bằng cần có một hệ thống pháp luật công khai minh bạch, rõ ràng, thống nhất và có hiệu quả. Đây là nền tảng cốt lõi để thúc đẩy kinh doanh, khuyến khích sáng kiến đổi mới trong khu vực tư nhân, hỗ trợ thị trường tài chính và các thị trường khác hoạt động hiệu quả, và khuyến khích các hoạt động mang tính bền vững về xã hội và môi trường. Các quy định pháp luật không rõ ràng sẽ ảnh hưởng đến việc lập kế hoạch và quản lý có hiệu quả các chính sách, chương trình xã hội, kinh tế vĩ mô vốn có vai trò quan trọng cốt yếu trong việc đối phó với các thách thức của nền kinh tế trong quá trình chuyển đổi cũng như vượt qua được thời kỳ suy thoái kinh tế thế giới. Nâng cao tính công khai minh bạch của hệ thống pháp luật cũng sẽ mang lại lợi ích cho những người yếm thế hơn trong xã hội như phụ nữ, trẻ em và người dân tộc thiểu số vì những nhu cầu đặc biệt của họ sẽ được đáp ứng tốt hơn thông qua một quá trình thống nhất và công khai hơn.

1.2. Kết quả dự kiến

Mục tiêu tổng thể của Dự án: Hỗ trợ tăng trưởng kinh tế công bằng hơn thông qua nền quản trị quốc gia minh bạch và có trách nhiệm giải trình hơn.

Mục tiêu cụ thể của Dự án: Hỗ trợ một chương trình tổng thể đổi mới quy trình lập pháp của Việt Nam và nâng cao chất lượng văn bản pháp luật liên quan đến kinh tế.

Kết quả dài hạn: Một khuôn khổ pháp luật được tăng cường, có hiệu quả, minh bạch, thể hiện nhu cầu của người dân Việt Nam và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế công bằng.

Kết quả trung hạn:

• Bộ Tư pháp và các bộ ngành áp dụng các quy trình hoạch định và quản lý chiến lược trong quá trình phát triển lập pháp;

• Sự tham gia của người dân và khu vực kinh tế tư nhân vào quá trình xây dựng văn bản pháp luật được nâng cao;

• Tính thống nhất, liên kết và tiêu chuẩn hóa trong hệ thống lập pháp của Việt Nam được tăng cường; và

• Chất lượng văn bản được nâng cao với các văn bản pháp luật kinh tế được soạn thảo trong chương trình thí điểm.

Kết quả trước mắt:

• Năng lực của Bộ Tư pháp và các bộ ngành kinh tế được cải thiện trong việc tham gia vào các quy trình hoạch định chiến lược;

• Năng lực của Bộ Tư pháp và các bộ ngành kinh tế được nâng cao trong việc tiến hành nghiên cứu chính sách và đánh giá tác động, bao gồm cả đánh giá tác động về giới;

• Năng lực của Bộ Tư pháp và các bộ ngành kinh tế được tăng cường trong công tác lấy ý kiến nhân dân và khu vực tư nhân trong toàn bộ quá trình xây dựng lập pháp;

• Năng lực của Bộ Tư pháp và các bộ ngành kinh tế được tăng cường trong soạn thảo văn bản pháp luật tuân theo các tiêu chuẩn, kỹ thuật soạn thảo đã được thống nhất;

• Năng lực của Bộ Tư pháp được nâng cao trong việc hỗ trợ và đảm bảo chất lượng soạn thảo văn bản;

• Năng lực của Bộ Tư pháp và Ủy ban luật pháp của Quốc hội được tăng cường trong việc áp dụng thống nhất các tiêu chí thẩm định và thẩm tra văn bản; và

• Năng lực của Bộ tư pháp và các bộ ngành được nâng cao trong công tác hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và tăng cường tính thống nhất của hệ thống luật pháp.

1.3. Phạm vi Dự án và các hợp phần:

a) Phạm vi: Dự án Phát triển lập pháp quốc gia sẽ giải quyết các vấn đề về chất lượng, tính thống nhất và minh bạch trong quy trình lập pháp nhằm làm cho các văn bản luật có tính hiệu quả và khả thi cao hơn. Dựa trên nhu cầu và phân tích khi thiết kế dự án, một số khâu quan trọng trong quy trình làm luật đã được xác định để tăng cường và cải thiện.

Cụ thể hơn, Dự án sẽ giải quyết những vấn đề sau đây trong quy trình:

Hoạch định và quản lý chiến lược: hiện chưa có một quy trình hữu ích và bền vững để nhận biết, thu thập và sắp xếp tổ chức các dữ liệu cần thiết cho việc xây dựng, minh chứng và chi tiết hóa nhu cầu đổi mới, thiết lập các điều kiện cho cơ sở dữ liệu ban đầu, đặt nền tảng cho công tác xây dựng năng lực dài hạn, và đánh giá tiến độ đổi mới.

Nghiên cứu và lấy ý kiến: còn nhiều hạn chế về kỹ năng nghiên cứu chính sách cần thiết cho việc xác định vấn đề và kết nối vấn đề với các nhu cầu đề nghị, kiến nghị văn bản pháp luật cụ thể, cũng như năng lực tổ chức nói chung còn yếu để đánh giá tác động dự kiến của những đề xuất thay đổi pháp luật, quy định trước khi bước vào soạn thảo. Các phương pháp huy động sự tham gia của người dân và khu vực kinh tế tư nhân trong quá trình xác định vấn đề, xây dựng chính sách và soạn thảo văn bản không nhất quán, thường không có hiệu quả trong khi phạm vi lấy ý kiến nói chung còn hạn hẹp.

Soạn thảo văn bản pháp luật: hiện nay có rất ít kỹ thuật soạn thảo, ngôn ngữ văn bản hoặc các quy tắc giải thích văn bản đã được chuẩn hóa. Năng lực soạn thảo không đồng đều giữa các bộ ngành và không có một đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp được đào tạo về soạn thảo văn bản. Sự phối hợp giữa các chủ thể tham gia quá trình soạn thảo nói chung còn yếu và các trách nhiệm được phân công không phải lúc nào cũng được thực hiện đầy đủ.

Tính thống nhất: rất nhiều văn bản quy phạm pháp luật còn mâu thuẫn nhau, các quy định trùng lặp lẫn nhau, và năng lực còn nhiều hạn chế trong việc đánh giá tính thống nhất tổng thể giữa các văn bản đang có hiệu lực và văn bản được đề nghị, kiến nghị.

Chương trình thí điểm: để hỗ trợ cách tiếp cận thực tiễn, hữu ích đối với việc cải tiến quy trình xây dựng pháp luật, Dự án sẽ tập trung vào xây dựng các quy trình, thủ tục lập pháp tiêu chuẩn và sau đó thí điểm áp dụng các quy trình, thủ tục đó vào xây dựng các văn bản pháp luật được chọn có tác động kinh tế ưu tiên trước mắt đối với các bộ tham gia Dự án. Do đó, thông qua việc tăng cường năng lực tập trung hỗ trợ xây dựng một số văn bản luật hữu ích ưu tiên trước mắt, CIDA sẽ hỗ trợ Chính phủ Việt Nam trong việc giải quyết nhiều vấn đề thực tiễn khác nhau về kinh tế và các vấn đề khác, và tạo điều kiện đạt được các kết quả cụ thể trong thời gian ngắn.

Bộ Tư pháp sẽ đại diện cho Chính phủ Việt Nam trong Dự án và là đối tác chính. Quốc hội và sẽ có tới bốn bộ ngành có chức năng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, trong đó bao gồm Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, sẽ tham gia vào Dự án.

b) Các hợp phần của Dự án

Hợp phần 1: Xây dựng năng lực hoạch định chiến lược, đánh giá nhu cầu, và quản lý hiệu quả hoạt động.

Đây là cơ sở của Dự án, đặt nền móng cho các hoạt động sau này được tiến hành có hiệu quả, xây dựng năng lực cho việc nắm vững và quản lý bền vững các quy trình lập pháp trong khuôn khổ hệ thống pháp luật. Trong những tháng đầu của dự án, hợp phần này sẽ tập trung xây dựng năng lực cho Bộ Tư pháp về công tác xác định vấn đề của hệ thống lập pháp được tiến hành một cách có hệ thống (thay vì hiện nay không thường xuyên). Công việc này sẽ bao gồm các hoạt động và hỗ trợ sau: xác định nhu cầu và các vấn đề còn tồn tại trước mắt trong quy trình lập pháp; cải thiện các quy trình ra quyết định cho công tác hoạch định chiến lược dựa trên kết quả thực thi; xác định những chỉ số phù hợp với các mục tiêu cải cách và thu thập các dữ liệu đánh giá theo các chỉ số; và xây dựng các chế độ phương pháp báo cáo hiệu quả để phục vụ mục tiêu cải cách chính sách.

Công việc trong những năm tiếp theo trong hợp phần này sẽ hỗ trợ nâng cao năng lực xây dựng chiến lược trong các bộ là đối tác dự án, và hỗ trợ Bộ Tư pháp

trong công tác theo dõi và ghi lại quá trình thay đổi và các bài học thu được từ các hoạt động xây dựng chương trình, kế hoạch trong các hợp phần khác. Do đó, hoạt động sẽ được thực hiện nhằm tăng cường năng lực hoạch định chiến lược để quản lý quá trình thay đổi và phát triển trong hoạt động lập pháp, phân tích các dữ liệu liên quan đến việc đánh giá các tiến bộ trên các mặt như tính thống nhất, đồng bộ và hiệu quả của hệ thống pháp luật.

Hợp phần 2: Xây dựng năng lực nghiên cứu chính sách, đánh giá tác động và lấy ý kiến công chúng.

Trong quá trình thiết kế Dự án, các cán bộ cơ quan nhà nước đều có chung một nhận định là việc nghiên cứu, phân tích chính sách không đầy đủ cùng với quy trình lấy ý kiến công chúng còn hạn chế là những vấn đề chủ yếu hiện nay của các bộ ngành trong quá trình soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật. Trong quy trình lập pháp ở Việt Nam hiện nay không có những công đoạn xây dựng chính sách tách biệt với bước soạn thảo văn bản mang tính kỹ thuật. Các hoạt động trong Hợp phần 2 này sẽ được xây dựng trên kết quả của Hợp phần 1 thông qua xây dựng một quy trình lập pháp đáp ứng tốt hơn những nhu cầu của công chúng và khu vực kinh tế tư nhân, dựa trên cơ sở những phân tích và chính sách rõ ràng, phản ánh tốt hơn quyền lợi của các đối tượng tác động của văn bản. Thêm vào đó, dự án cũng sẽ chú ý đặc biệt đến các vấn đề và mối quan tâm của các nhóm yếm thế hơn trong xã hội, như phụ nữ và dân tộc thiểu số.

Hợp phần 2 sẽ hỗ trợ đào tạo, tập huấn ở trong nước (có thể có chuyên gia hướng dẫn trực tiếp), cũng như khảo sát thực tế và/hoặc làm việc ngắn hạn ở nước ngoài cho các cán bộ của các bộ, ngành. Thông qua các hoạt động này, các cán bộ của Việt Nam có cơ hội để học hỏi và được bồi dưỡng kiến thức thực tiễn về các phương pháp và quy trình đang được áp dụng trong các cơ quan, tổ chức của Canađa (và có thể một số tổ chức khu vực) nhằm cải thiện nội dung văn bản, bao gồm: nghiên cứu và phân tích chính sách để đảm bảo cơ sở vững chắc cho việc đề nghị, kiến nghị pháp luật; đánh giá tác động văn bản, và phương pháp/hướng dẫn để đảm bảo chất lượng các đánh giá này; phân tích tác động về giới và môi trường; các phương pháp lấy ý kiến công chúng; và các kỹ năng giám sát và đánh giá liên quan đến chính sách.

Hợp phần 3: Xây dựng kỹ năng kỹ thuật soạn thảo văn bản pháp luật.

Các hoạt động của Hợp phần 3 nhằm hỗ trợ nâng cao tính đồng bộ, chuẩn hóa và hiệu quả của quy trình xây dựng pháp luật thông qua việc nâng cao năng lực soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật và đảm bảo tính tương thích giữa thực tiễn soạn thảo văn bản pháp luật của Việt Nam với những tiêu chuẩn và thông lệ tốt nhất của quốc tế. Trọng tâm của hợp phần này là chuẩn hóa kỹ thuật soạn thảo, ngôn ngữ văn bản, quy tắc giải thích luật và hài hòa hóa nội dung của pháp luật trong nước với các cam kết quốc tế của Việt Nam.

Các hoạt động bao gồm tổ chức đào tạo cho các tập huấn viên nguồn và các chuyên gia thuộc Bộ Tư pháp nhằm xây dựng được đội ngũ chuyên gia về soạn thảo văn bản; bồi dưỡng về kỹ thuật và quy tắc soạn thảo văn bản cho các cán bộ nghiên cứu chính sách và cán bộ pháp luật của các bộ, ngành; sử dụng chuyên gia hướng dẫn trực tiếp trong các hoạt động soạn thảo cụ thể; cử cán bộ đi khảo sát thực tiễn và/hoặc thực tập ngắn hạn để học hỏi kinh nghiệm xây dựng văn bản ở nước ngoài; và biên soạn in ấn các tài liệu hướng dẫn, sổ tay cho cán bộ tập huấn, cán bộ soạn thảo và những cán bộ khác tham gia công tác thẩm định, thẩm tra văn bản luật.

Hợp phần 4: Xây dựng năng lực nhằm đảm bảo tính thống nhất và hệ thống tổ chức của văn bản pháp luật.

Trong khi Hợp phần 1 đặt cơ sở cho công tác xác định vấn đề và ghi lại các quy trình đổi mới, Hợp phần 4 đề cập đến các kết quả lâu dài của Dự án: tăng cường tính nhất quán của công tác xây dựng văn bản trong toàn bộ hệ thống để kiểm soát đảm bảo chất lượng. Thông qua các hoạt động về rà soát, hậu kiểm và hệ thống hóa văn bản, Hợp phần 4 sẽ cung cấp cho nhiều dữ liệu và ví dụ bằng chứng cho các hoạt động ở Hợp phần 1 để đánh giá và giải quyết các vấn đề về tính thống nhất trong hệ thống pháp luật.

Hợp phần này sẽ nâng cao năng lực cho Bộ Tư pháp và các cơ quan đối tác tham gia Dự án trong việc xây dựng và áp dụng các tiêu chuẩn rõ ràng, nhất quán và được nhất trí cao trong việc đánh giá tính thống nhất của các văn bản quy phạm pháp luật với Hiến pháp và hệ thống pháp luật (bao gồm cả tính thống nhất với các quy định của Luật Bình đẳng giới); thu thập và tổng kết các dữ liệu về tính thống nhất và đồng bộ; và áp dụng các tiêu chuẩn này như là một phần của quá trình xây dựng một hệ thống tổ chức các văn bản - pháp điển hóa, hoặc hợp nhất văn bản - nhằm làm cho văn bản dễ tiếp cận hơn, thuận tiện hơn trong việc tra cứu, cập nhật và sử dụng. Các mục đích này được thực hiện thông qua các hoạt động như đào tạo chính quy về phân tích văn bản pháp luật, hướng dẫn trực tiếp tại chỗ, tham quan khảo sát thực tiễn và/hoặc thực tập làm việc ngắn hạn ở nước ngoài để học hỏi kinh nghiệm của các nước trong việc hệ thống hóa văn bản pháp luật, đảm bảo tính thống nhất của văn bản, biên tập và phát hành các tài liệu hướng dẫn, tài liệu tập huấn, và nâng cấp cơ sở dữ liệu về văn bản pháp luật. Các mối quan hệ làm việc giữa vụ pháp chế của các bộ ngành được chọn tham gia Dự án với Bộ Tư pháp được xác định rõ ràng và hiệu quả nhằm tăng cường sự phối hợp và phát huy tính thống nhất trong toàn bộ quy trình xây dựng pháp luật, đặc biệt trong giai đoạn đầu của Dự án.

c) Khung thời gian: Dự án sẽ được thực hiện trong thời gian 7 năm. Với việc tuyển chọn và ký hợp đồng với một Cơ quan Thực hiện Dự án Canađa, dự kiến Dự án bắt đầu đi vào hoạt động năm 2010, tiến hành một đánh giá nội bộ, toàn diện năm

hoạt động đầu tiên vào năm 2011, một đánh giá giữa kỳ năm 2013, và Dự án kết thúc năm 2017.

d) Các ***hoạt động*** có thể sẽ được thực hiện trong khuôn khổ Dự án sẽ bao gồm, nhưng không chỉ giới hạn bởi, các hoạt động sau đây:

• Đào tạo tập huấn về hoạch định chiến lược, quản lý dựa trên kết quả (RBM), giám sát và đánh giá các hoạt động xây dựng pháp luật;

• Hỗ trợ kỹ thuật trong việc lập kế hoạch và các phương pháp phân tích/thu thập dữ liệu;

• Hỗ trợ kỹ thuật, hướng dẫn trực tiếp và đào tạo tập huấn về nghiên cứu và phân tích chính sách, các phương pháp và quy trình lấy ý kiến công chúng và khu vực tư nhân, đánh giá tác động văn bản (bao gồm cả phân tích giới và môi trường);

• Đào tạo tập huấn về những tiêu chuẩn và kỹ thuật soạn thảo văn bản đã được thống nhất, về giải thích pháp luật, thuật ngữ pháp lý, ngôn ngữ văn bản luật, và tính tương thích của văn bản với các nghĩa vụ và cam kết quốc tế;

• Khảo sát thực tế và thực tập làm việc ngắn hạn tại các bộ tư pháp, có thể các vụ pháp chế của các bộ ngành, và các cơ quan/tổ chức của Canađa (cấp liên bang và bang) cho các cán bộ của Bộ Tư pháp và cơ quan đối tác Dự án;

• Hỗ trợ kỹ thuật và hướng dẫn trực tiếp các hoạt động soạn thảo văn bản trong chương trình thí điểm;

• Đào tạo tập huấn về các tiêu chí và phương thức trong thẩm định và thẩm tra dự án/dự thảo văn bản pháp luật, những tiêu chí và phương pháp luận về hợp nhất và pháp điển hóa đã được nhất trí;

• Hỗ trợ kỹ thuật và hướng dẫn trực tiếp trong việc xây dựng và áp dụng các tiêu chí và phương thức trong công tác rà soát và pháp điển hóa;

• Xây dựng sách hướng dẫn (ví dụ hướng dẫn soạn thảo văn bản), công cụ, tài liệu tập huấn, và các tài liệu tham khảo;

• Đi khảo sát thực tế và/hoặc làm việc thực tập ngắn hạn để học hỏi các phương thức về hệ thống hóa, pháp điển hóa, và các công đoạn khác trong quy trình lập pháp;

• Thiết lập các phương thức liên lạc nhằm cung cấp cho các đối tác Việt Nam được tiếp cận trực tiếp với các chuyên gia luật của Dự án nhận được các dịch vụ tư vấn theo nhu cầu; và

• Hội thảo trong nước và khu vực có sự tham gia của các chuyên gia Canađa, trong nước và/hoặc quốc tế/khu vực, về các vấn đề về chính sách và trong các văn bản pháp luật, cũng như các vấn đề về quy trình xây dựng pháp luật.

1.4. Quản lý Dự án

Chiến lược quản lý dự án dựa trên các nguyên tắc bền vững và đề cao tính chủ động làm chủ của đối tác địa phương. Một Cơ quan Thực hiện Dự án Canađa sẽ được CIDA ký hợp đồng và thực hiện mọi nỗ lực tôn trọng và tuân thủ các nguyên tắc này để quản lý tất cả các mặt hoạt động của dự án, đảm bảo sao cho dự án phù hợp với các kế hoạch chiến lược tổng thể của Chính phủ Việt Nam và bổ sung cho các hoạt động của các nhà tài trợ khác. Với tính chất phức tạp trong bối cảnh quản trị quốc gia của Việt Nam, Cơ quan Thực hiện Dự án Canađa cần hiểu rõ bối cảnh lịch sử, các vấn đề quản trị quốc gia hiện nay, nhằm cung cấp hỗ trợ dựa trên cơ sở hiểu rõ nhu cầu của Việt Nam và cân nhắc tinh tế đến phạm vi mà các thể chế, tiêu chuẩn và quy trình của Canađa và quốc tế có thể được điều chỉnh, áp dụng trong bối cảnh Việt Nam.

Dự án sẽ được quản lý theo các nguyên tắc Quản lý dựa trên kết quả (RBM). Cơ quan Thực hiện Dự án Canađa sẽ làm việc với Bộ Tư pháp và các cơ quan đối tác Dự án để xây dựng Kế hoạch Thực hiện Dự án trong giai đoạn khởi động dự án. Kế hoạch Thực hiện Dự án sẽ xác định các kết quả dự kiến, các hoạt động cần thiết để đạt được các kết quả đó, cơ cấu tổ chức dự án, lịch trình thực hiện, và dự kiến giải ngân cho toàn bộ giai đoạn dự án dựa trên những thông tin có được. Trong quá trình xây dựng Kế hoạch Thực hiện Dự án, Cơ quan Thực hiện Dự án Canađa phải xác minh tính khả thi của từng yếu tố hợp phần, cũng như khả năng của từng hợp phần có thể được duy trì một cách thích đáng sau khi các hoạt động của dự án kết thúc. Kế hoạch Thực hiện Dự án có thể đề xuất bổ sung thêm hay rút gọn một số hoạt động cụ thể trong từng hợp phần, và sẽ được CIDA và Bộ Tư pháp thông qua tại cuộc họp đầu tiên của Ban Chỉ đạo Dự án (sẽ được mô tả dưới đây). Bản Kế hoạch Thực hiện Dự án sẽ là một văn kiện không cố định, có thể được sửa đổi khi cần thiết dựa trên sự nhất trí của Ban Chỉ đạo Dự án.

Hoạt động cho các năm về sau sẽ được Cơ quan Thực hiện Dự án Canađa, Bộ Tư pháp và các đối tác tham gia dự án cùng thiết kế xây dựng, phù hợp với các kết quả tổng thể cần phải đạt được và kết hợp với những bài học kinh nghiệm rút ra từ năm trước. Các hoạt động này sẽ được đưa vào trong kế hoạch công việc hàng năm. Kế hoạch công việc hàng năm của mỗi năm tiếp theo sẽ được xây dựng và trình để Ban Chỉ đạo Dự án phê duyệt vào quý I của năm đó.

Dự án cũng sẽ được hỗ trợ thông qua chuyên gia Giám sát Dự án, với việc chuyên gia cung cấp tư vấn cho CIDA về hiệu quả hoạt động và thực hiện Dự án trong toàn bộ giai đoạn của Dự án.

Cuộc họp Ban Chỉ đạo Dự án

CIDA và Bộ Tư pháp sẽ là đồng chủ tịch Ban Chỉ đạo Dự án.

Ban Chỉ đạo Dự án sẽ giám sát và hướng dẫn thực hiện dự án. Các cuộc họp của Ban Chỉ đạo Dự án là nhằm trao đổi thảo luận tình hình thực hiện dự án cho đến thời điểm họp, xác định các vấn đề mới hay các lĩnh vực hoạt động mới, đưa ra phương hướng chỉ đạo chung và phản hồi đối với dự án, đồng thời phê duyệt Kế hoạch công việc hàng năm. Cơ quan Thực hiện Dự án Canađa sẽ làm việc với Bộ Tư pháp và các đối tác dự án để chuẩn bị báo cáo tiến độ và báo cáo tài chính hàng năm, đồng thời chuẩn bị kế hoạch công việc hàng năm để Ban Chỉ đạo Dự án thảo luận.

Ban Chỉ đạo Dự án sẽ tổ chức họp một năm hai lần: một cuộc họp chính thức vào cuối quý I của năm (dương lịch) và một cuộc họp không chính thức vào đầu quý IV. Cuộc họp đặc biệt sẽ được triệu tập nếu cần thiết. Thành viên tham dự họp bao gồm đại diện của CIDA, Bộ Tư pháp, Cơ quan Thực hiện Dự án Canađa, và các đối tác tham gia Dự án. Bộ Kế hoạch và Đầu tư cũng có thể lựa chọn tham dự các cuộc họp này với tư cách là quan sát viên. Cơ quan Thực hiện Dự án Canađa sẽ tổ chức và hỗ trợ về công tác thư ký cho các cuộc họp Ban Chỉ đạo Dự án.

Cục thể, Ban Chỉ đạo Dự án có các nhiệm vụ sau:

a) Xem xét và theo dõi tình hình bối cảnh hoạt động của dự án, các giả định, rủi ro cơ bản, và tính phù hợp liên tục của dự án;

b) Đánh giá tiến độ đạt được nhằm đạt đến các kết quả dự kiến của dự án, ở cả cấp độ trước mắt lẫn trung hạn;

c) Đánh giá và khuyến nghị sửa đổi điều chỉnh nếu cần đối với Kế hoạch Thực hiện Dự án, và đề xuất thông qua Kế hoạch Thực hiện Dự án;

d) Đánh giá và đề xuất thông qua các Kế hoạch công việc hàng năm, chỉ số kết quả, phân bổ ngân sách và lịch trình hoạt động cho năm tài chính tiếp theo;

e) Giải quyết các vấn đề ở cấp chính sách có thể cản trở việc thực hiện dự án; và,

f) Đưa ra chỉ dẫn, dẫn giải và tham mưu chính sách.

Ban Chỉ đạo Dự án cũng sẽ hướng dẫn một Tổ Tư vấn Kỹ thuật do Bộ Tư pháp chủ trì. Tổ Tư vấn Kỹ thuật sẽ tăng cường sự phối hợp về hỗ trợ kỹ thuật cho dự án giữa Bộ Tư pháp và các đối tác dự án, đồng thời tạo điều kiện điều phối các đề xuất, ý kiến đóng góp cho quá trình lập kế hoạch và thực hiện dự án trên cơ sở thường xuyên giữa thời gian các cuộc họp của Ban Chỉ đạo Dự án.

1.5. Thiết bị và tài sản của Dự án

Trong suốt giai đoạn dự án, tất cả các thiết bị và tài sản được mua bằng kinh phí của Canađa cho dự án sẽ chỉ được sử dụng dành riêng cho các hoạt động dự án đã được xác định và phê duyệt. Khi kết thúc dự án, Canađa sẽ chuyển giao các thiết bị và tài sản còn lại của dự án cho phía Việt Nam. Việc phân bổ các thiết bị và tài sản đó sẽ được Ban Chỉ đạo Dự án quyết định.

Phụ lục "B"

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN DỰ ÁN

Sẽ bổ sung vào Bản ghi nhớ sau khi được hoàn thiện và thông qua tại cuộc họp đầu tiên của Ban Chỉ đạo Dự án.

CÔNG BÁO Nước CHXHCN Việt Nam là ấn phẩm chính thức của Nhà nước dùng để công bố tất cả văn bản quy phạm pháp luật và văn bản có giá trị pháp lý khác do các cơ quan nhà nước ban hành. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hiện hành quy định rõ: "Chỉ các văn bản công bố trên Công báo mới có giá trị như bản gốc và được sử dụng trong mọi quan hệ, giao dịch chính thức. Văn bản đăng trên các ấn phẩm khác chỉ có giá trị tham khảo".

Công báo xuất bản ở Trung ương gồm các số Công báo thường kỳ và Mục lục Công báo tháng, quý, năm. Công báo được phát hành trong phạm vi toàn quốc do Văn phòng Chính phủ chịu trách nhiệm xuất bản và in tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng.

Công báo in trên giấy có kích thước 20,5 cm x 29 cm. Trang bìa có in hình Quốc huy, Quốc hiệu của Nước CHXHCN Việt Nam và chữ **CÔNG BÁO** màu đỏ. Công báo được cấp miễn phí cho các Tủ sách pháp luật và Điểm Bưu điện - Văn hóa xã, phường, thị trấn trong toàn quốc.

Giá Công báo là 5.000đ/số (bao gồm cả phí phát hành). Việc mua Công báo thông qua cơ quan Công báo Trung ương hoặc các đại lý phát hành báo chí trong toàn quốc. Lịch đặt mua Công báo vào ngày 25 hàng tháng tại cơ quan Công báo, Văn phòng Chính phủ.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN
Điện thoại: 080.44597 - 04.38231182
Fax : 080.44517
Địa chỉ: 1 Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, HN
Email: congbaovpcp@cpt.gov.vn
In tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng